



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1
360 Bến Chương Dương, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 38368363 -Fax: (08) 38361278
Email : hatien1@hatien1.com.vn - Web: www.hatien1.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015



MỤC LỤC

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
--	---

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1. Thông tin khái quát	6
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	6
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	9
4. Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	9
5. Các công ty con, công ty liên kết.....	12
6. Định hướng phát triển	12
7. Các rủi ro	13

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	16
2. Tổ chức và nhân sự	17
3. Tình hình đầu tư và thực hiện dự án.....	21
4. Đầu tư công ty con và Công ty liên kết khác	22
5. Các công tác khác	22
6. Tình hình tài chính	23
7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	24

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo Cáo Kết Quả Sản Xuất Kinh Doanh Năm 2015	27
---	----

1. Tổng quan môi trường kinh doanh	27
2. Kết quả sản xuất kinh doanh.....	27
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản trị	29
4. Công tác ISO năm 2015	29
5. Công tác an toàn – môi trường năm 2015	30

Mục Tiêu Sản Xuất Kinh Doanh Và Đầu Tư Năm 2016.....31

- 1. Tình hình kinh tế vĩ mô năm 201631
- 2. Mục tiêu năm 201631
- 3. Các giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thành mục tiêu năm 201633

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 1. Đánh giá kết quả của HĐQT37
- 2. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT37
- 3. Hoạt động của HĐQT38
- 4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký.....39

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- 1. Hoạt động của ban kiểm soát.....43
- 2. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT43
- 3. Kết quả giám sát hoạt động của Ban giám đốc.....44
- 4. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2015.....44
- 5. Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 201546
- 6. Kiến nghị.....46

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính thưa quý vị cổ đông,

Hơn nửa thế kỷ hình thành và phát triển, Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 hiện là đơn vị chủ lực của Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam tại miền Nam nói riêng và cả nước nói chung, Công ty đã cung cấp cho thị trường các loại xi măng và sản phẩm sau xi măng với chất lượng cao và ổn định, phục vụ nhiều công trình trọng điểm quốc gia, các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng. Vị thế của Công ty cùng thương hiệu “**Vicem Hà Tiên**” đã không ngừng phát triển, luôn gắn với biểu tượng “**Con Kỳ Lân xanh**” cùng sứ mệnh “**Lớn mạnh do bạn và vì bạn**”.

Năm 2015 diễn ra trong bối cảnh thị trường toàn cầu có nhiều bất ổn, kinh tế thế giới đối mặt với nhiều rủi ro lớn và khó lường. Thương mại toàn cầu sụt giảm; Chỉ số sản xuất của nhiều nước chưa lấy lại được đà tăng trưởng và phục hồi chậm. Giá dầu thô giảm mạnh dẫn đến giá cả hàng hóa có xu hướng giảm nhanh, ảnh hưởng đến các nước xuất khẩu.

Ở trong nước, giá dầu giảm gây áp lực đến cân đối ngân sách Nhà nước, tuy nhiên lại là yếu tố thuận lợi cho việc giảm chi phí đầu vào, phát triển sản xuất và kích thích tiêu dùng. Trước bối cảnh đó, Chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, nhằm tiếp tục ổn định vĩ mô, tháo gỡ khó khăn và cải thiện môi trường kinh doanh, tạo đà tăng trưởng, bảo đảm công tác an sinh xã hội, nhờ vậy kinh tế Việt Nam năm 2015 đã có bước khởi sắc, GDP tăng khoảng 6,68%, cao hơn so với mục tiêu đề ra.

Đối với Hà Tiên 1, ứng phó với những biến động kể trên, công tác sản xuất - kinh doanh luôn được chú trọng; quản lý và điều hành linh hoạt, nên đã giữ vững được khả năng cạnh tranh góp phần làm cho doanh thu và lợi nhuận của công ty vượt xa mục tiêu đề ra trong năm 2015.

Năm 2016, mục tiêu hành động của HĐQT Công ty là tiếp tục chỉ đạo đổi mới, phát huy lợi thế về thị trường và tiềm năng xuất khẩu, nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động của mình, nâng cao chất lượng hàng hóa, đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh, phát triển thương hiệu, giữ vững khả năng cạnh tranh trên thị trường, tối đa hóa doanh thu và lợi nhuận, nhằm mang lại lợi ích nhiều hơn cho Quý cổ đông Công ty.

Sự phát triển của Công ty cho đến nay, đều nhờ vào sự tin tưởng, ủng hộ, hợp tác của các Quý cổ đông, của các khách hàng và sự nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ công nhân viên Cty, Hội đồng quản trị chúng tôi luôn mong muốn điều này sẽ được tiếp tục phát huy tốt hơn nữa trong nhiều năm tiếp theo.

Thay mặt Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 tôi xin có lời cảm ơn sâu sắc và kính chúc mọi người luôn thành đạt trong công việc, thành công trong cuộc sống và tiếp tục gắn bó với VICEM HÀ TIÊN trong tương lai.

Trân trọng kính chào.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trần Việt Thắng



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH
VÀ PHÁT TRIỂN

1. Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 (Hà tiên 1) là công ty thành viên trực thuộc Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam, tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước và đã cổ phần hóa chuyển thành Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 kể từ ngày 18 tháng 01 năm 2007. Trong hơn 50 năm qua, Hà Tiên 1 là đơn vị chính của Tổng Công ty công nghiệp xi măng Việt Nam ở miền Nam Việt Nam, chiếm thị phần 9,9% thị phần xi măng ở Việt Nam, hơn 28,55% thị phần của thị trường khu vực phía Nam. Cùng với thương hiệu "**VICEM Hà Tiên**", vị thế của Hà Tiên 1 luôn không ngừng phát triển với biểu tượng "**Con kỳ lân xanh**" và khẩu hiệu "**Lớn mạnh do bạn và vì bạn**".

- Tên giao dịch : **Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : Số 0301446422, đăng ký lần đầu ngày 18/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 29/4/2014
- Vốn điều lệ : 3.180 tỷ đồng
- Vốn chủ sở hữu : 3.180 tỷ đồng
- Địa chỉ : 360 Bến Chương Dương, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP.HCM
- Số điện thoại : +84. 08. 38 368 363 – 08. 38 367 195
- Số fax : +84. 08. 38 361 278
- Website : www.vicemhatien.com.vn
- Mã cổ phiếu : HT1

2. Quá trình hình thành và phát triển

Thời điểm **Quá trình hình thành**

- Năm 1960: Khởi công xây dựng nhà máy xi măng Hà Tiên và đưa vào hoạt động từ ngày 21/3/1964
- Năm 1974: Ký hợp đồng với hãng Polysius và tập đoàn Ngân hàng Worms đầu tư chương trình khuyến khích xi măng Hà Tiên với dây chuyền 900.000 tấn clinker/năm và 500.000 tấn xi măng/năm tại Kiên Lương; 500.000 tấn xi măng/năm tại Thủ Đức
- Năm 1993: Nhà máy liên hợp xi măng Hà Tiên được tách thành nhà máy xi măng Hà Tiên 1, Nhà máy xi măng Hà Tiên 2
- Năm 1994: Nhà máy xi măng Hà Tiên 1 đổi tên thành "Công ty xi măng Hà Tiên 1"
- 10/1999: Cải tổ công tác tiêu thụ, thành lập hệ thống các Nhà phân phối chính
- 10/2000: Nhận Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000
- 31/12/2003: Chuyển đổi sang Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001
- 01/2001: Hoàn thành dự án Cải Tạo Môi Trường, có thêm dây chuyền nghiền 500.000 tấn xi măng/năm
- 30/12/2003: Lễ khởi công dự án Nhà máy xi măng Bình Phước, tổng công suất 1,76 triệu tấn clinker/năm và 2,0 triệu tấn xi măng/năm (01 dây chuyền xi măng đặt tại Bình Phước, 01 dây chuyền xi măng đặt tại Phú Hữu)
- 08/2004: Hoàn thành dây chuyền sản xuất vỏ bao dán theo công nghệ hiện đại

- 12/2004: Phòng thí nghiệm Hà Tiên 1 được công nhận đạt chuẩn quốc gia với số hiệu VILAS 125
- 18/01/2007: Chính thức chuyển thể thành Công ty cổ phần, kế thừa toàn bộ Công ty xi măng Hà Tiên 1
- 30/3/2007: Lễ khởi công xây dựng Trạm Nghiền, phân phối xi măng Phía Nam tại Phú Hữu, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
- 31/03/2007: Lễ khởi công xây dựng nhà máy xi măng Bình Phước tại thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước
- 13/11/2007: Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên của Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 với mã chứng khoán HT1, doanh nghiệp nhà nước đầu tiên ngành xi măng phía Nam niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)
- 11/2007: Chào đón tấn xi măng thứ 33.333.333. Với con số này Hà Tiên 1 được công nhận là Công ty có số lượng xi măng bán ra nhiều nhất trên thị trường phía Nam
- 30/10/2008: Trạm nghiền Phú Hữu chính thức xuất xưởng tấn xi măng đầu tiên
- 24/12/2008: Ra mắt thương hiệu xi măng “Vicem Hà Tiên” đồng bộ với Tổng Công ty Công Nghiệp Xi măng Việt Nam (Vicem), một trong những bước đi nhằm thực hiện chiến lược củng cố thị phần và duy trì vị trí số 1 tại thị trường xi măng trong nước
- 10/04/2009: Lễ khởi công dây chuyền HT2.2 tại Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
- 12/06/2009: Đưa dây chuyền nghiền xi măng công suất 500.000 tấn tại Khu công nghiệp Long Định, huyện Bến Lức, tỉnh Long An vào hoạt động
- 13/07/2009: Phát hành thêm cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 1.100 tỷ đồng
- 12/11/2009: Trụ sở chính của Công ty chuyển về hoạt động tại địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, phường Cầu Kho, Quận 1 – TP HCM
- 29/12/2009: ĐHĐCĐ bất thường năm 2009 của Công ty đã thông qua việc sáp nhập Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2 vào Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1, đánh dấu bước khởi đầu của một giai đoạn phát triển mới của Công ty
- 08/06/2010: Chính thức giao dịch số lượng cổ phiếu chuyển đổi từ Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 2 sang Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 tại sàn chứng khoán HOSE
- 25/06/2010: Nhận được giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đánh dấu bước khởi đầu của một giai đoạn phát triển mới của Hà Tiên 1, các chi nhánh gồm:
- Nhà máy xi măng Bình Phước, địa chỉ: xã Thanh Lương, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước.
 - Nhà máy xi măng Kiên Lương, địa chỉ: Quốc Lộ 80, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.
 - Trạm nghiền Long An, địa chỉ: KCN Long Định, Xã Long Định, Huyện

Cần Đước, Tỉnh Long An.

- Trạm nghiên cứu Phú Hữu, địa chỉ: phường Phú Hữu, quận 9 - TPHCM.
- Trạm nghiên cứu Thủ Đức, địa chỉ: Km 8, Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức – TPHCM.
- Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ xi măng Hà Tiên, địa chỉ lầu 3, số 19 đường Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

- 12/07/2011: Tiếp nhận Dự án Trạm nghiên cứu xi măng Cam Ranh từ Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và xây lắp Đà Nẵng, đưa Trạm nghiên cứu Cam Ranh vào hoạt động và tổ chức sự kiện “Chào mừng tấn xi măng đầu tiên tại Trạm nghiên cứu Cam Ranh” vào ngày 19/07/2011
- 23/05/2012: Dây chuyền HT2.2 cho ra lò tấn clinker đầu tiên
- 06/01/2012: Trạm nghiên cứu Phú Hữu nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001
- 20/07/2012: Nhà máy xi măng Bình Phước đón nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001
- 08/12/2012: Nhận chứng nhận hợp quy QC 16-1
- 20/12/2012: Trạm nghiên cứu Long An nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001
- 24/12/2012: Trạm nghiên cứu Cam Ranh nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001
- 21/03/2014: Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập và phát triển
- 24/12/2014: Công ty và các chi nhánh thực thuộc Công ty nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18000.
- 21/10/2015: Thành lập Chi nhánh: Xí nghiệp quản lý đường BOT Phú Hữu, địa chỉ 14/68 Đường 990, khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, Tp.HCM.
- 26/01/2016: Nhà máy xi măng Kiên Lương đón nhận Chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001

Những thành tích đạt được

- Giải thưởng Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn liên tục từ năm 2010 đến nay
- Huân chương Lao động hạng III
- Cúp vàng vì sự phát triển cộng đồng
- Năm 2005 đạt danh hiệu “Đứng đầu ngành xây dựng cơ bản”
- Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2006
- Sao vàng đất Việt top 100 năm 2000
- Chứng nhận ISO 9001, 14001, 18001
- Hơn 20 huy chương vàng từ Hội chợ triển lãm quốc tế tại Giảng Võ – Hà Nội

- Năm 2009 đạt thương hiệu chứng khoán uy tín
- Sản phẩm vàng hội nhập WTO năm 2014
- Thương hiệu Việt top 10 năm
- Năm 2016, Hà Tiên 1, là 01 trong 20 doanh nghiệp của 10 nước Asean, đạt giải thưởng ASEAN-OSHNET (01 nước có 02 doanh nghiệp đạt giải thưởng gồm 01 ở quy mô tập đoàn, 01 doanh nghiệp nhỏ và vừa). Đây là giải thưởng dành cho doanh nghiệp có thành tích xuất sắc nhất về lĩnh vực an toàn lao động trong một quốc gia từ 2014-2015.



Sao vàng Đất
Việt



Cúp vàng
Vietbuild



Cúp vàng nhãn
hiệu và thương
hiệu



Danh hiệu Hàng
Việt Nam chất
lượng cao



Thương hiệu
chứng khoán uy
tín

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất kinh doanh xi măng, vôi, thạch cao và các sản phẩm từ vôi.
- Sản xuất các sản phẩm từ vôi, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư ngành xây dựng, phụ gia cho sản xuất vật liệu xây dựng.
- Mua bán xi măng, các sản phẩm từ xi măng, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư ngành xây dựng, vôi, thạch cao, các sản phẩm từ vôi, thạch cao, cát đá sỏi.

Địa bàn kinh doanh:

- Trong nước: từ Bình Định đến Cà Mau.
- Xuất khẩu: Campuchia, Úc và các nước lân cận.

4. Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị của công ty là mô hình quản trị theo chức năng và được tổ chức như sau:

i. Ban quản trị điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh

Ban Tổng giám đốc của công ty bao gồm Tổng Giám đốc và 4 Phó Tổng Giám đốc:

- Tổng giám đốc được ủy quyền của Hội đồng quản trị (HĐQT), hoạt động như người đại diện theo pháp luật của công ty, quản trị và điều hành tất cả các hoạt động hàng

ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Phó Tổng giám đốc phụ trách các lĩnh vực khác nhau, bao gồm:
 - Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh.
 - Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính.
 - Phó Tổng giám đốc phụ trách kỹ thuật.
 - Phó Tổng Giám đốc phụ trách chuỗi cung ứng.

ii. Đơn vị Bán hàng

Xí nghiệp tiêu thụ gồm: Ban Giám đốc và 12 phòng ban, trong đó có trách nhiệm phân phối và tiêu thụ các sản phẩm của công ty.

iii. Đơn vị Sản xuất

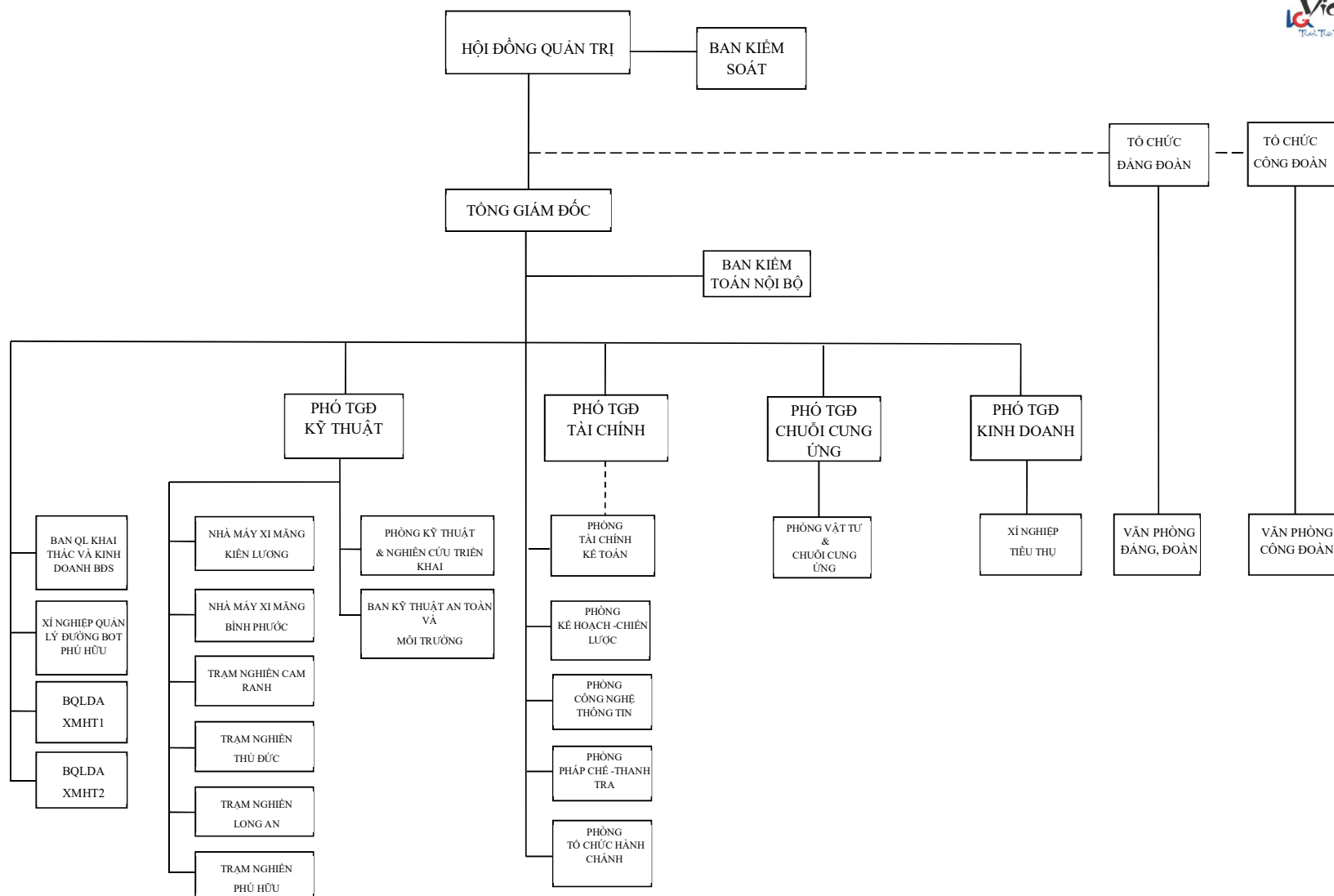
Hà Tiên 1 gồm có 6 đơn vị sản xuất gồm có hai nhà máy sản xuất clinker, xi măng và 4 trạm nghiền sản xuất xi măng, với nhiệm vụ sản xuất, cung cấp và phân phối xi măng giữa các tỉnh trong khu vực trung tâm phía Nam, trải dài phía Nam Việt Nam từ miền Đông nam bộ, Tây nam bộ và Tây nguyên đến miền Duyên hải nam trung bộ - mũi Cà Mau.

iv. Phòng ban Hỗ trợ và quản lý

Hà Tiên 1 có bộ phận giúp việc và hỗ trợ gồm có 08 phòng ban quản lý tại trụ sở chính, 02 đơn vị quản lý dự án và 01 ban quản lý Bất động sản, không bao gồm các phòng ban hỗ trợ tại các trạm và các nhà máy, chịu trách nhiệm hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ và triển khai đầu tư các dự án của Công ty.

v. Cơ cấu bộ máy quản lý

Theo mô hình tổ chức bộ máy quản lý như sau:



5. Các công ty con, công ty liên kết

i. Công ty TNHH Nguyễn Quang Sài Gòn Ô Tô

- Địa chỉ: 701 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
- Vốn điều lệ Công ty : 42.500.000.000 đồng
- Vốn điều lệ Hà Tiên 1 tham gia góp: 10.200.000.000 (góp bằng tài sản cố định và quyền thuê đất), với tỷ lệ sở hữu là 24%.

ii. Công ty CP Cao Su Bến Thành

- Địa chỉ: Lô 3-1 KCN Tây Bắc Củ Chi, đường Giáp Hai (D3), xã Trung Lập Hạ, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su.
- Vốn điều lệ Công ty : 123.749.970.000 đồng.
- Vốn điều lệ Hà Tiên 1 thực góp: 23.100.000.000đ, với tỷ lệ sở hữu 18,67%.

iii. Công ty CP Vicem Thạch cao Xi Măng

- Địa chỉ: 24 đường Hà Nội, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: nhập khẩu và kinh doanh thạch cao các loại; kinh doanh xi măng các loại, nghiền xi măng các loại; sản xuất, dịch vụ.
- Vốn điều lệ Công ty : 70.000.000.000 tỷ.
- Vốn điều lệ Hà Tiên 1 thực góp: 7.000.000.000đ, với tỷ lệ sở hữu 10%

6. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Chúng tôi nhận thức rằng Công ty “Lớn mạnh do bạn và vì bạn”, do vậy chúng tôi cam kết không ngừng đầu tư phát triển, mở rộng kinh doanh nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông, người lao động và đóng góp tích cực cho cộng đồng.
- Công ty cam kết sản xuất và cung cấp những sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao nhằm đáp ứng mọi nhu cầu hợp lý của khách hàng.
- Công ty quyết tâm thực hiện chiến lược bảo vệ và phát triển thị phần tại khu vực Đông Nam bộ, giữ vững thị trường truyền thống tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, mở rộng thị trường tại khu vực Nam Trung bộ & Tây nguyên, Campuchia và một số nước lân cận.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Công ty thực hiện các chiến lược về sản xuất để trở thành một nhà sản xuất hàng đầu, uy tín và chất lượng. Về tiêu thụ tại khu vực phía Nam với thương hiệu dẫn đầu thị trường và chiến lược mở rộng thị trường mục tiêu ở Tây Nguyên, Duyên hải Nam Trung Bộ và xuất khẩu sang Campuchia, phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng Công ty công nghiệp xi măng ở Việt Nam. Hà Tiên 1 luôn và tích cực tìm

kiểm cơ hội đầu tư với khả năng sinh lợi, theo định hướng của công ty thực hiện các chiến lược kinh doanh ngắn hạn và dài hạn tương lai, như sau:

- Sản xuất và kinh doanh các loại xi măng.
 - Quản lý và thu phí đường bộ (dự kiến năm 2016 hoạt động).
 - Kinh doanh bất động sản là đất của Công ty tại Vũng Tàu và quận Thủ Đức tại TP HCM .
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty
- Hà Tiên 1 cam kết phát triển bền vững với các chương trình sản xuất thực hiện song song với An toàn lao động, bảo vệ môi trường với mục tiêu hướng về cộng đồng.

7. Các rủi ro

Rủi ro cạnh tranh

- Dự báo nhu cầu tiêu thụ xi măng cả nước năm 2016 đạt khoảng 75 - 77 triệu tấn, tăng từ 4 - 7% so với năm 2015. Tỷ lệ tiêu thụ nội địa năm tới dự báo tăng lên mức 59 - 60 triệu tấn, trong khi lượng xuất khẩu xi măng giảm xuống 16 - 17 triệu tấn. Mặc dù, sản lượng tiêu thụ xi măng dự báo trong năm 2016 tăng so với năm nay nhưng theo Bộ Xây Dựng một số nhà máy xi măng trên cả nước vẫn không thể hoạt động hết công suất vì cầu trên thị trường không theo được cung. Tính đến cuối năm 2015, cả nước có 76 dây chuyền sản xuất xi măng với tổng công suất thiết kế đạt 81,56 triệu tấn/năm.
- Dự kiến đến năm 2017, ngành xi măng dự kiến sẽ có thêm khoảng 6 dây chuyền sản xuất xi măng mới đi vào hoạt động như: khu vực miền Bắc và miền Trung (bao gồm: Xi măng Tân Thắng công suất 2 triệu tấn/ năm Xi măng Công Thanh công suất 3,6 triệu tấn/ năm, Xi măng Sông Lam (giai đoạn 1) công suất 4 triệu tấn/ năm, Xi măng Thanh Liêm công suất 2,3 triệu tấn/ năm) và khu vực Miền Nam (Xi măng Xuân Thành công suất 4,5 triệu tấn/ năm , Xi măng FiCO công suất 1,4 triệu tấn/ năm).
- Hiện nay, thị trường bất động sản hồi phục, các dự án khởi động trong giai đoạn đầu tư và để đón đầu nhu cầu xây dựng trong giai đoạn các năm tiếp theo, các nhà máy xi măng trong những năm gần đây cũng tăng đáng kể dẫn đến cung xi măng đã vượt quá cầu, đồng thời có nhiều công ty nhỏ lẻ, manh mún sẽ dẫn đến hiện tượng hàng tồn kho tăng, sản xuất cầm chừng, cạnh tranh không lành mạnh, bán phá giá v.v.. gây ra tình trạng giá cả thị trường xi măng trong toàn quốc không ổn định ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tuy nhiên, trong thời gian qua tại khu vực miền Nam, Hà Tiên 1 là thương hiệu xi măng được người tiêu dùng ưa chuộng sử dụng nên tuy trong thời gian khủng hoảng thị trường bất động sản và cạnh tranh gay gắt nhưng Công ty vẫn luôn giữ là thương hiệu mạnh, uy tín được ưu tiên lựa chọn trong khu vực và có những bước tăng trưởng, phát triển vượt bậc.

Rủi ro đặc thù của ngành

- Công nghiệp sản xuất và tiêu thụ xi măng là một ngành có mức độ phụ thuộc vào tình hình của mùa vụ xây dựng. Thông thường trong một năm tình hình tiêu thụ xi măng trong 6 tháng cuối năm có tốc độ tăng trưởng hơn 6 tháng đầu năm. Việc tiêu thụ xi măng hoàn toàn phụ thuộc vào sự biến đổi khí hậu và tiến độ các Công trình xây dựng đặc biệt là ở khu vực Miền Trung.
- Theo dự báo sắp tới sản lượng xi măng sẽ tiếp tục tăng từ việc đầu tư các dự án xi măng mới trên toàn quốc, do đó Hà Tiên 1 sẽ chịu nhiều sự cạnh tranh lớn từ các doanh nghiệp này. Đồng thời với việc Việt Nam gia nhập WTO, AFTA,... thuế nhập khẩu giảm chỉ còn từ 0% - 5%, khi đó Công ty sẽ phải đối mặt trực tiếp với sản phẩm nhập khẩu từ các quốc gia khác, gặp phải sự cạnh tranh gay gắt về giá.

Rủi ro khác

- Ngoài các rủi ro trên, về dự báo thời tiết không ổn định bị ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt... có thể xảy ra và sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Hà Tiên 1. Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn đến hoạt động chung của các Công ty và Hà Tiên 1 nói riêng.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
2015

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2015, với nỗ lực và khả năng điều hành quản lý của đội ngũ lãnh đạo Công ty, Công ty đã vượt qua một năm với kết quả kinh doanh ấn tượng, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2015			Thực hiện năm 2014	% năm 2015 so với năm 2014
			Thực hiện	NQ Đại hội cổ đông	% thực hiện so NQ ĐHCĐ		
1	Tiêu thụ xi măng	Tấn	5.698.976	5.300.000	7,53%	4.886.568	16,63%
a.	TTXM trong nước	Tấn	5.441.818	5.000.000	8,84%	4.637.176	17,35%
b.	XM xuất khẩu	Tấn	257.158	300.000	-14,28%	249.392	3,11%
2	Tiêu thụ clinker	Tấn	448.464	500.000	-10,31%	462.085	-2,95%
3	Tiêu thụ vữa	Tấn	14.450	10.000	44,50%	10.654	35,64%
4	Tiêu thụ gạch	Viên	4.274.506	3.000.000	42,48%	3.885.414	10,01%
5	Tiêu thụ cát tiêu chuẩn	Kg	175.735	170.000	3,37%	139.521	25,96%
6	Doanh thu thuần Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7.608	7.159	6,28%	6.758	12,58%
7	thuế	Tỷ đồng	950	367	158,84%	396	140,12%

a. Tình hình thị trường và tiêu thụ

- Thị trường tiêu thụ xi măng khu vực phía Nam năm 2015 tăng khoảng 18,44%, do ảnh hưởng của nền kinh tế nói chung và sự khởi sắc của thị trường bất động sản. Trong đó, sản lượng xi măng tiêu thụ trong nước của Hà Tiên 1 cũng tăng 17,35%, so với cùng kỳ năm trước.
- Hà Tiên 1 xây dựng và thực hiện chính sách bán hàng linh hoạt, hợp lý, hài hoà giữa các địa bàn đồng thời thực hiện nhiều chương trình khuyến mại trực tiếp đến hệ thống cửa hàng vật liệu xây dựng kích thích sản lượng tiêu thụ, tăng thị phần.
- Các mặt hàng sản phẩm phụ cũng tăng từ 10% đến 36% do đã có những nỗ lực trong công tác tiêu thụ như tiếp cận sản phẩm đến người tiêu dùng, quảng bá các lợi ích trong việc sử dụng vữa trộn sẵn kết hợp với nâng cao chất lượng gạch không nung và đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng trong việc đa dạng hóa sản phẩm.

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch kết quả hoạt động kinh doanh

- Sản lượng tiêu thụ đạt 5.698 ngàn tấn, tăng 7,53% so với kế hoạch đại hội đồng cổ đông, tăng 16,63% so với năm trước liền kề
- Doanh thu thuần đạt 7.608 tỷ đồng, tăng 6,28% so với kế hoạch đại hội đồng cổ đông, tăng 12,58% so với năm trước liền kề.

- Lợi nhuận đạt 950 tỷ đồng, tăng 158,84 % so với kế hoạch đại hội đồng cổ đông, tăng 140,12% so với năm trước liền kề.

Nguyên nhân chủ yếu, thực hiện tốt hệ thống phân phối tăng sản lượng tiêu thụ năm 2015 hơn năm trước và đồng thời, ổn định chất lượng sản xuất, tối ưu hóa thiết bị, kiểm soát định mức phát huy hiệu quả từ hoạt động tối ưu hóa chi phí sản xuất, ổn định hoạt động sản xuất và thành công tái cấu trúc tài chính Hà Tiên đã làm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh và lợi nhuận tăng cao gấp 2,5 lần so năm 2014.

2. Tổ chức và nhân sự:

a. Thông tin về danh sách Ban điều hành

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Ông TRẦN VIỆT THẮNG – Chủ tịch HĐQT - TGD Tổng Công ty CN xi măng Việt Nam	
Năm sinh	: 29-02-1968
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Cử nhân Kinh tế - Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Ông NGUYỄN NGỌC ANH – Phó Chủ tịch HĐQT	
Năm sinh	: 02-08-1953
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Kỹ Sư Hoá Silicat, Kỹ sư điện tử
Ông HOÀNG KIM CƯỜNG – TV HĐQT - Phó TGD Công ty CP xi măng Hà Tiên 1 – Miễn nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 23/4/2015	
Năm sinh	: 19-07-1957
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Kỹ sư điện
Ông PHẠM ĐÌNH NHẬT CƯỜNG – Phó TGD Công ty CP xi măng Hà Tiên 1	
Năm sinh	: 02-02-1962
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Cử nhân Tài chính Kế toán, Thạc sỹ Tài chính- NH
Ông MAI VĂN YÊN – Phó TGD Công ty CP xi măng Hà Tiên 1- thành viên HĐQT từ ngày 23/4/2015	
Năm sinh	: 10-10-1959
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Kỹ sư hoá Silicat

Ông CÁI HỒNG THU – TV HĐQT - Phó TGD Tổng Công ty CN xi măng Việt Nam	
Năm sinh	: 02-08-1959
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Kỹ sư hoá
Ông PHẠM VĂN THÔNG – TV HĐQT - Phó TGD Công ty CP xi măng Hà Tiên 1 – Giám đốc Nhà máy xi măng Kiên Lương	
Năm sinh	: 21-12-1962
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Kỹ sư điện
Ông TÔ HẢI – TV HĐQT	
Năm sinh	: 01-12-1973
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng của Úc
Ông NGUYỄN TUẤN ANH – TV HĐQT – TGD Công ty CP xi măng Hà Tiên 1	
Năm sinh	: 02-11-1971
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Thạc sỹ chuyên ngành Vận tải biển – Thạc sỹ QTKD
Ông NGUYỄN VĂN CHUYỀN – TV HĐQT	
Năm sinh	: 18-08-1962
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Kinh doanh khai thác vận tải biển
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	
Ông NGUYỄN TUẤN ANH – Tổng Giám Đốc Công ty CP xi măng Hà Tiên 1	
Năm sinh	: 02-11-1971
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Thạc sỹ chuyên ngành Vận tải biển – Thạc sỹ QTKD
Ông HOÀNG KIM CƯỜNG – Phó TGD Công ty CP xi măng Hà Tiên 1 – Miễn nhiệm Phó TGD từ ngày 23/4/2015	
Năm sinh	: 19-07-1957
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Kỹ sư điện

Ông PHẠM ĐÌNH NHẬT CƯỜNG – Phó TGD CTy CP XM Hà Tiên 1	
Năm sinh	: 02-02-1962
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Cử nhân Tài chính Kế toán, Thạc sỹ Tài Chính - Ngân Hàng
Ông NGÔ MINH LÃNG – Phó TGD Công ty CP xi măng Hà Tiên 1	
Năm sinh	: 17-08-1957
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Kỹ sư cơ khí
Ông MAI VĂN YÊN – Phó TGD Công ty CP xi măng Hà Tiên 1	
Năm sinh	: 10-10-1959
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Kỹ sư hoá Silicat
Ông PHẠM VĂN THÔNG – Phó Tổng Giám Đốc Công ty CP xi măng Hà Tiên 1, – Giám đốc Nhà máy xi măng Kiên Lương	
Năm sinh	: 21-11-1962
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Kỹ sư điện
BAN KIỂM SOÁT	
Ông PHẠM ĐỨC TRUNG – Trưởng Ban kiểm soát	
Năm sinh	: 02-05-1968
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Cử nhân Kinh tế
Ông PHẠM THẾ NGHĨA – Thành viên Ban kiểm soát	
Năm sinh	: 1976
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Thạc sỹ chuyên ngành quản trị kinh doanh
Ông MAI THANH SON – Thành viên Ban kiểm soát – Miễn nhiệm thành viên BKS từ ngày 23/4/2015	
Năm sinh	: 13-09-1979
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Thạc sỹ chuyên ngành quản trị kinh doanh

Bà TRẦN THỊ BÍCH THÚY – Thành viên Ban kiểm soát – bổ nhiệm thành viên BKS từ ngày 23/4/2015	
Năm sinh	: 27-09-1978
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Thạc sỹ chuyên ngành quản trị kinh doanh
Bà NGUYỄN THỊ TỐ NGA – Thành viên Ban kiểm soát	
Năm sinh	: 27-09-1976
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Chứng chỉ Kế toán tài chính
Bà PHÙNG THỊ TÂN THANH – Thành viên Ban kiểm soát	
Năm sinh	: 1981
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Thạc sỹ Kinh tế phát triển
TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN THỐNG KÊ TÀI CHÍNH	
Bà LÊ THỊ PHƯƠNG DUNG – Trưởng Phòng Kế toán Thống kê Tài chính	
Năm sinh	: 18-06-1974
Trình độ văn hoá	: 12/12
Trình độ học vấn	: Cử nhân kinh tế

b. Những thay đổi trong ban điều hành:

- **Ông HOÀNG KIM CƯỜNG:** Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc Công ty CP xi măng Hà Tiên 1, miễn nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 23/4/2015.
- **Ông MAI VĂN YÊN:** Phó TGD Công ty CP xi măng Hà Tiên 1, bổ nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 23/4/2015.
- **Ông HOÀNG KIM CƯỜNG:**
 - Thành viên HĐQT - Phó TGD Công ty CP xi măng Hà Tiên 1, miễn nhiệm Phó TGD Công ty CP xi măng Hà Tiên 1 từ ngày 01/4/2015.
- **Ông MAI THANH SƠN:** Thành viên Ban kiểm soát, miễn nhiệm thành viên BKS từ ngày 23/4/2015.
- **Bà TRẦN THỊ BÍCH THÚY –** Thành viên Ban kiểm soát, bổ nhiệm thành viên BKS từ ngày 23/4/2015.

c. Số lượng cán bộ, nhân viên:

- Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm 31/12/2015 là 2.839 lao động trong đó lao động nữ chiếm 16%; trong đó:

+ Lao động quản lý	171	CBCNV
+ Lao động gián tiếp	940	CBCNV
+ Lao động trực tiếp sản xuất	1.728	CBCNV
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ và bậc thợ của người lao động:

+ Trên đại học	47	CBCNV
+ Đại học	740	CBCNV
+ Cao đẳng	123	CBCNV
+ Trung cấp	823	CBCNV
+ Công nhân kỹ thuật	1.078	CBCNV
+ Lao động phổ thông	28	CBCNV

3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2015, Công ty tập trung đẩy nhanh công tác quyết toán các dự án lớn đã đưa vào hoạt động, cụ thể:

- Dự án Trạm tiếp nhận và phân phối xi măng phía Nam: đã hoàn tất Báo cáo quyết toán toàn bộ dự án trình cấp thẩm quyền phê duyệt;
- Dự án Nhà máy xi măng Bình Phước: hoàn tất báo cáo quyết toán dự án hoàn thành và trình phê duyệt;
- Dự án Trạm nghiền Cam Ranh: triển khai công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành.
- Dự án Hà Tiên 2.2: Hoàn tất thủ tục điều chỉnh tổng mức đầu tư, trình phê duyệt quyết toán Dự án.
- Ngoài công tác quyết toán dự án trên, Hà Tiên 1 tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công tuyến 2 Dự án BOT - đường nối Nguyễn Duy Trinh vào khu công nghiệp Phú Hữu hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác trong tháng 04/2016.
- Hoàn tất thủ tục cấp Giấy phép khai thác để đảm bảo nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất dây chuyền hiện hữu và khai thác nguồn nguyên liệu phục vụ cho nhu cầu nâng công suất sản xuất khi đầu tư các giai đoạn sau.
- Nghiên cứu, đưa các phương án đầu tư khả thi đối với các hạng mục đổi mới công nghệ nhằm tăng khả năng xuất hàng bằng đường thủy, tăng hiệu quả trong sản xuất, khả năng thu hồi vốn trên dưới 02 năm và đảm bảo môi trường .

b. Giá trị thực hiện hoàn thành các Dự án năm 2015 :

- Giá trị khối lượng thực hiện : 178,38 tỷ đồng (đạt 89,2%)
- Giá trị thanh toán khối lượng : 279,12 tỷ đồng (đạt 155%)

4. Đầu tư các Công ty con và Công ty liên khác

Kết quả hoạt động sản xuất và kinh doanh của các Công ty con và các công ty liên kết trong năm 2015, như sau:

a. Công ty TNHH Nguyễn Quang Sài Gòn Ô tô :

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2014	% năm 2015 so với năm 2014
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	270,58	-	-
2	Lợi nhuận sau thuế		(0,82)	-	-
3	Tổng tài sản		199,73	-	-
4	Vốn chủ sở hữu		41,68	-	-

b. Công ty cổ phần Cao Su Bến Thành:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2014	% năm 2015 so với năm 2014
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	179,93	203,71	-11,67%
2	Lợi nhuận sau thuế		14,29	16,52	-13,48%
3	Cổ tức	%	8%	7%	14,29%
4	Tổng tài sản		281,74	293,29	-3,94%
5	Vốn chủ sở hữu		190,60	187,34	1,74%

c. Công ty cổ phần Vicem Thạch cao Xi Măng :

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2014	% năm 2015 so với năm 2014
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	565,75	620,54	-8,83%
2	Lợi nhuận sau thuế		3,32	6,40	-48,10%
3	Cổ tức	%	4%	3%	33,33%
4	Tổng tài sản		158,79	173,71	-8,59%
5	Vốn chủ sở hữu		112,51	112,77	-0,23%

5. Công tác khác:

- Hoàn thành và được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu đất dưới đây:
 - Văn phòng số 21 Đường Công Lý, Phường Bình Thọ, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh;
 - Nhà khách số : 172 đường Lý Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh;
 - Khu cao ốc Văn phòng số 19 - Lầu 3 đường Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh;

- Kho An Lạc : số 701 đường Kinh Dương Vương, Quận Bình Tân, Tp.Hồ Chí Minh;
 - Kho Phú Lâm: số 516 đường Kinh Dương Vương, Quận Bình Tân, Tp.Hồ Chí Minh;
 - Kho Long Xuyên Tỉnh An Giang.
 - Kho Cao Lãnh Tỉnh Đồng Tháp.
- Hoàn tất hồ sơ pháp lý xin cấp đổi theo mục đích sử dụng để xác định tiền thuê đất theo mục đích sử dụng và thủ tục xin chứng nhận sở hữu tài sản gắn liền với đất, của các khu đất:
- Khu đất Vũng Tàu: Phường 11. Tp Vũng Tàu - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
 - Khu đất Nhà máy Kiên Lương: Thị trấn Kiên Lương, xã Dương Hòa, Huyện Hà Tiên, Tỉnh Kiên Giang
 - Khu đất Trạm nghiên Long An: xã Long Định, huyện Cần Đước, Tỉnh Long An
 - Nhà nghỉ Muôn Hồng – Đà Lạt: 35 đường Paster, phường 4, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.
- Thực hiện các thủ tục xin miễn giảm tiền thuê đất trong thời gian xây dựng Dự án và xin khấu trừ tiền thuê đất vào tiền đền bù giải phóng mặt bằng đối với khu đất Trạm nghiên Cam Ranh.
- Quyết toán và thực hiện nghĩa vụ nộp tiền thuê đất với các cơ quan thuế và các vấn đề liên quan đến nghĩa vụ tài chính đối với các khu đất của Công ty.

6. Tình hình tài chính:

Tình hình tài chính của Công ty đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm 2015	Năm 2014	% năm 2015 so với năm 2014
1	Doanh thu Thuần	Tỷ đồng	7.608	6.758	12,58%
2	Lợi nhuận trước thuế, chi phí tài chính - EBIT	Tỷ đồng	1.306	848	53,97%
3	EBIT/Doanh thu thuần	%	17,17%	12,55%	36,76%
4	Lãi/(Lỗ) từ HĐTC	Tỷ đồng	-365	-454	-19,67%
5	Lãi/(Lỗ) khác	Tỷ đồng	9	1	513,85%
6	Lợi nhuận thuần trước Thuế	Tỷ đồng	950	396	140%
7	Lợi nhuận thuần sau Thuế	Tỷ đồng	739	305	142%
8	Tổng tài sản	Tỷ đồng	11.919	12.662	-5,86%
9	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	4.426	3.714	19,18%
10	Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,69	2,41	-29,79%
11	Nợ dài hạn/Vốn CSH	Lần	1,00	1,37	-27,36%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

	Năm 2015	Năm 2014
1 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,44	0,4
- Hệ số thanh toán nhanh	0,25	0,2
2 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,63	0,71
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,69	2,41
3 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho	8,53	6,06
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,64	0,53
4 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9,71%	4,51%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	16,69%	8,21%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	6,20%	2,41%

Ghi chú: Thông tư 200/2014/TT-BTC thay thế Quyết định số 15/2006 v/v hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay đổi cách hạch toán các khoản mục trên bảng cân đối của báo cáo tài chính có thay đổi các chỉ tiêu tài chính trong năm 2014.

7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần :

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : **317.952.000 cổ phần**
- Loại cổ phần đang lưu hành : phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 317.952.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ %
Tổng số vốn thực góp	284.200.467	89,37	33.799.533	10,63	318.000.000	100
1.Cổ đông Nhà nước	253.418.824	79,69			253.418.824	79,69
2. Cổ đông nội bộ:	1.250.758	0,39			1.250.758	0,39

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ %
(Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng)	1.250.758	0,39			1.250.758	0,39
3. Cổ đông trong công ty	2.502.877	0,79			2.502.877	0,79
- Cổ phiếu quỹ	48.000	0,02			48.000	0,02
- Cán bộ công nhân viên	2.454.877	0,77			2.454.877	0,77
4. Cổ đông ngoài công ty	27.028.008	8,50	33.799.533	10,63	60.827.541	19,13
- Cá nhân	19.397.472	6,10	275.832	0,09	19.673.304	6,19
- Tổ chức	7.630.536	2,40	33.523.701	10,54	41.154.237	12,94

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ : không

e. Các chứng khoán khác : không



BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

PHẦN 1

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

1. Tổng quan môi trường kinh doanh

- Năm 2015, kinh tế thế giới phục hồi chậm do kinh tế Trung Quốc và Châu Âu tăng trưởng thấp và vẫn đang gặp khó khăn, một số nước phá giá mạnh đồng tiền, giá dầu giảm mạnh... đã tác động nhiều hơn đến nền kinh tế nước ta. Tuy vậy, với sự điều hành sát sao của Chính phủ và quyết tâm của các Bộ, ngành, nền kinh tế vẫn đạt tốc độ tăng trưởng cao, lạm phát được kiểm soát, kinh tế vĩ mô dần ổn định, các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm.
- Với đà phục hồi kinh tế ngày càng vững chắc trong năm 2015, cùng mối quan tâm ngày càng lớn dành cho Việt Nam như một điểm đến của dòng vốn FDI, và những tiến triển gần đây trong các thỏa thuận thương mại quan trọng, tăng trưởng của Việt Nam mức 6.68% so với mục tiêu đề ra ~6,2% trong năm 2015 (mức tăng trưởng trong năm 2014 của Việt Nam là 6%).
- Chỉ số giá tiêu dùng năm 2015 của Việt Nam ở mức 0,63%, thấp hơn so với mục tiêu ~5% (mức lạm phát năm 2014 của Việt Nam là 4,1%). Lạm phát thấp chủ yếu do hiệu ứng của chính sách đầu tư công; chính sách tiền tệ; nỗ lực cải thiện môi trường và hỗ trợ cho doanh nghiệp; quản lý bình ổn chính sách giá các mặt hàng thiết yếu, cũng như do giá nhập khẩu nhiều nguyên liệu đầu vào thế giới.
- Thị trường tài chính - tiền tệ năm 2015, với những quyết sách lớn của Ngân hàng Nhà nước điều hành về tỷ giá chính thức thêm 3% và nới biên độ tỷ giá từ +/-1% lên +/-3%; hạ trần lãi suất tiền gửi bằng USD và bán ra USD can thiệp thị trường sau mỗi lần điều chỉnh nâng tỷ giá.
- Nhìn chung trong năm 2015, Việt Nam đã đạt được những mục tiêu về tăng trưởng GDP, kiểm soát lạm phát, cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh và phát triển kinh tế đối ngoại trong bối cảnh có nhiều biến động phức tạp toàn cầu, nhiều kỳ vọng mới và phát triển đất nước. Với tình hình trên, Công ty đã triển khai nhiều biện pháp thiết thực có tính chất chiến lược trong tất cả các khâu từ sản xuất, tiêu thụ và quản trị để đạt được hiệu quả sản xuất cao.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh:

a. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2015			Năm 2014	%
			Thực hiện	Nghị Quyết ĐHCĐ	% thực hiện so NQ		
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	7.608	7.159	6,28%	6.758	12,58%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	950	367	158,84%	396	140,12%
3	Tỷ lệ chi trả Cổ tức	%	20%	-	-	-	-

Ghi chú: Tỷ lệ chi trả Cổ tức bằng cổ phiếu dự kiến 20% (hai mươi phần trăm) trên mệnh giá tổng số lượng cổ phần đang lưu hành tại thời điểm phát hành.

b. Tình hình tài sản theo báo cáo tài chính năm 2015:

Nội dung	ĐVT	Năm 2015	Năm 2014	% năm 2015 so với năm 2014
I. Tài Sản Ngắn Hạn	Tỷ đồng	1.364	1.548	-11,91%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		346	219	57,77%
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		7	36	-80,05%
3. Các khoản phải thu ngắn hạn		387	498	-22,21%
4. Hàng tồn kho		610	781	-21,84%
5. Tài sản ngắn hạn khác		14	14	-6,64%
II. Tài Sản Dài Hạn	Tỷ đồng	10.556	11.114	-5,02%
1. Các khoản phải thu dài hạn		11	10	10,68%
2. Tài sản cố định		9.248	9.854	-6,15%
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		41	56	-26,59%
4. Tài sản dở dang dài hạn		1.013	845	19,87%
5. Tài sản dài hạn khác		243	349	-30,44%
Tổng Cộng Tài Sản	Tỷ đồng	11.919	12.662	-5,86%

c. Tình hình nợ phải trả và nguồn vốn

Nội dung	ĐVT	Năm 2015	Năm 2014	% năm 2015 so với năm 2014
I. Nợ Phải Trả	Tỷ đồng	7.493	8.948	-16,26%
1. Nợ ngắn hạn		3.070	3.846	-20,17%
2. Nợ dài hạn		4.423	5.102	-13,31%
II. Vốn Chủ Sở Hữu		4.426	3.714	19,18%
Tổng Cộng Nguồn Vốn	Tỷ đồng	11.919	12.662	-5,86%

Ghi chú:

- Tình hình nợ hiện tại.
 - Nợ vay ngắn hạn: chi tiết nêu tại mục 19 – thuyết minh báo cáo tài chính
 - Nợ vay dài hạn: chi tiết nêu tại mục 19 – thuyết minh báo cáo tài chính
 - Nợ phải trả xấu: Công ty không có nợ phải trả xấu.
- Về Tài sản, tổng tài sản năm 2015 giảm 5,86% so với năm 2014, chủ yếu là nguyên nhân:
 - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: do năm 2015, công ty có thu hồi 1 khoản tiền gửi ngân hàng đến ngày đáo hạn.
 - Các khoản phải thu ngắn hạn: giảm 22,21% so với năm 2014, cho thấy khả năng thu hồi nợ của công ty khá tốt.
 - Hàng tồn kho: giảm 21,84% so với năm 2014.
- Về nguồn vốn, tổng nguồn vốn năm 2015 giảm 5.86% so với năm 2014, chủ yếu do khoản nợ phải trả giảm 16,26% so với năm 2014: chủ yếu là chi trả các khoản vay và các khoản nợ nhà cung cấp.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản trị

- Xét tình hình thực tế và chính sách quy hoạch cán bộ, năm 2015 Hà Tiên 1 đã tiến hành bổ nhiệm 57 CBCNV thuộc các phòng/ban, đơn vị khác nhau, thực hiện điều động 57 CBCNV, điều động và bổ nhiệm 12 CBCNV, tuyển dụng 111 lao động trong toàn Công ty.
- Tổ chức các đợt đào tạo và đào tạo lại, trang bị kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng mềm cho thương vụ, kỹ năng quản lý cho các cán bộ, kỹ sư thuộc khối sản xuất và nâng cao tay nghề cho CNKT nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả công tác, kết quả năm 2015 tổ chức 320 lớp đào tạo cho khoảng 6.630 lượt người lao động.
- Về tiền lương và thu nhập của người lao động: tiếp tục trả lương theo chức danh công việc và hỗ trợ các khoản phụ cấp, tiền cơm ca theo quy định.
- Phối hợp với tư vấn xây dựng được khung năng lực cho các chức danh thí điểm (NMBP, XNTTDV, VPC).
- Phối hợp với các đơn vị tư vấn hoàn thành chương trình tái cơ cấu tổ chức toàn Công ty theo 5 công đoạn - 7 phân đoạn, kèm chức năng nhiệm vụ.
- Xây dựng và thực hiện phương án di dời Trạm nghiên Thủ Đức; sắp xếp bố trí lại lao động và giải quyết chế độ chính sách cho người lao động.

4. Công tác ISO năm 2015

- NMBP, TNPH được Quacert cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý năng lượng theo ISO 50001-2011.
- Các đơn vị thuộc công ty đã được tái chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 và được đánh giá Hệ thống quản lý An toàn & sức khỏe nghề nghiệp theo OHSAS 18001: 2007.

- TNPH, TNLA, TNCR & NMBP đã được tái chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001:2004.
- NMKL đã được quacert cấp giấy chứng nhận Hệ thống quản lý môi trường theo ISO ISO 14001:2004 vào ngày 26/01/2016.
- Các phòng TN-KCS chi nhánh xây dựng và được công ty cấp giấy chứng nhận về công cụ quản lý 5S.

5. Công tác an toàn – môi trường năm 2015

- Bảo đảm An toàn - Vệ sinh lao động và Bảo vệ môi trường đáp ứng được mục tiêu công ty 2015.
- Không có trường hợp TNLĐ nghiêm trọng nào xảy ra.
- Không bị báo chí có ý kiến cũng như đơn thư khiếu nại của công đồng dân cư địa phương về vấn đề ô nhiễm môi trường đối với các chi nhánh sản xuất đóng tại địa bàn.
- Không có sự cố môi trường và không bị cơ quan quản lý môi trường phạt vi phạm về môi trường.
- Tổ chức khám sức khỏe và bệnh nghề nghiệp định kỳ theo đúng quy định pháp luật.
- Lần đầu tiên công ty chấm điểm các chi nhánh 6 tháng cuối năm 2015 theo quy định tiêu chí chấm điểm thi đua khen thưởng về ATMT.
- Ha Tien 1, là 01 trong 20 doanh nghiệp của 10 nước Asean, đạt giải thưởng ASEAN-OSHNET (01 nước có 02 doanh nghiệp đạt giải thưởng gồm 01 ở quy mô tập đoàn, 01 doanh nghiệp nhỏ và vừa). Đây là giải thưởng dành cho doanh nghiệp có thành tích xuất sắc nhất về lĩnh vực ATLĐ trong một quốc gia từ năm 2014-2015.

PHẦN II

MỤC TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ NĂM 2016

1. Tình hình kinh tế vĩ mô năm 2016

- Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2016 với những mục tiêu như: Tốc độ tăng GDP năm 2016 đạt 6,7%, xuất khẩu tăng 10%, nhập siêu dưới 5% kim ngạch xuất khẩu, lạm phát dưới 5%, vốn đầu tư toàn xã hội bằng 31% GDP.
- Nhận định về tình hình phát triển kinh tế Việt Nam của Ngân hàng Thế giới (WB) khẳng định kinh tế Việt Nam sẽ ứng phó tốt trước những biến động của môi trường kinh tế bên ngoài. Triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam là sáng sủa và lạm phát sẽ ở mức thấp.
- Nhu cầu tiêu thụ xi măng năm 2016 khoảng 75-77 triệu tấn, tăng 4,0-7,0% so với năm 2015; trong đó tiêu thụ nội địa khoảng 59-60 triệu tấn, xuất khẩu 16-17 triệu tấn. Tính đến cuối năm 2015, cả nước có 76 dây chuyền sản xuất xi măng với tổng công suất thiết kế đạt 81,56 triệu tấn/năm nên dù sản lượng tiêu thụ xi măng năm 2016 tăng so với năm 2015 nhưng một số nhà máy xi măng trên cả nước vẫn không thể hoạt động hết công suất vì cầu trên thị trường vẫn thấp hơn khả năng cung ứng của các nhà máy. Lượng cung xi măng vẫn lớn hơn cầu nên tình trạng dư thừa cục bộ vẫn tiếp tục xảy ra, làm cho mức độ cạnh tranh giữa các công ty xi măng càng trở nên gay gắt.

2. Mục tiêu năm 2016

- Trước những khó khăn và thách thức của nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành xi măng nói riêng như trên, Hà Tiên 1 đã đề ra các mục tiêu phấn đấu năm 2016, như sau:

a. Mục tiêu tiêu thụ sản phẩm

Chỉ danh	ĐVT	Mục tiêu năm 2016	Thực hiện 2015	% mục tiêu so với với năm 2015
I Tiêu Thụ Xi Măng	Tấn	7.500.000	5.698.976	31,60
1 Tiêu thụ nội địa	"	7.200.000	5.441.818	32,31
2 Xuất khẩu	"	300.000	257.158	16,66
II Tiêu thụ clinker	Tấn	428.000	448.464	-4,56
III Tiêu Thụ Sp Khác				
1 Vữa xây dựng	Tấn	12.000	14.450	-16,96
2 Gạch không nung	Viên	4.000.000	4.274.506	-6,42
3 Cát tiêu chuẩn	Kg	170.000	175.735	-3,26

b. Các mục tiêu tài chính:

- Năm 2016, Hà Tiên 1 tiếp tục cải thiện tình hình tài chính, bảo đảm không có nợ phải trả xấu, an toàn tài chính, bảo toàn phát triển vốn, đảm bảo lợi ích cho cổ đông

và người lao động, với mục tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016, như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu năm 2016	Thực hiện 2015	% mục tiêu so với năm 2015	Thực hiện 2014	% mục tiêu so với năm 2014
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	9.856	7.608	29,54%	6.758	45,84%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	957	950	0,68%	396	141,75%
3	Tỷ lệ chi trả Cổ tức	%	-	20%		-	

c. Công tác tổ chức lao động:

- Tiếp tục tổ chức đào tạo theo quy hoạch và đào tạo kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho thương vụ, kỹ năng quản lý cho các cán bộ, kỹ sư thuộc khối sản xuất và nâng cao tay nghề cho công nhân kỹ thuật nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả công tác trên cơ sở kết quả chương trình đánh giá theo khung năng lực chuẩn.
- Hoàn thành Hệ thống thang bảng lương chức danh công việc và Phương án phân phối thu nhập mới;
- Nghiên cứu các bộ luật mới có liên quan đến người lao động để hiệu chỉnh lại quy chế, quy định cho phù hợp.

d. Các mục tiêu đầu tư xây dựng:

- Giá trị Ngân sách Đầu tư XD/CB kế hoạch trong năm 2016, cụ thể :
 - Khối lượng thực hiện là 365,55 tỷ đồng, trong đó: Xây dựng là 187,37 tỷ đồng, Thiết bị là 39,94 tỷ đồng, khác là 136,23 tỷ đồng.
 - Nguồn vốn thanh toán trong năm là: 377,85 tỷ đồng, trong đó: nguồn vốn vay là 284,76 tỷ đồng, vốn tự có là 93,09 tỷ đồng.
- Công tác quyết toán của các dự án lớn:
 - Đối với các Dự án Nhà máy xi măng Bình Phước, Dự án Nhà máy xi măng Cam Ranh và Dự án dây chuyền xi măng Hà Tiên 2.2 :hoàn thành thủ tục phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành vào cuối Q.2/2016.
 - Dự án đường BOT : hoàn thành công tác lập và quyết toán trong Quý 04 năm 2016.
- Triển khai các Dự án đầu tư XD/CB đã được phê duyệt và các thủ tục chuẩn bị đầu tư nhằm nâng công suất nghiền và sản xuất clinker theo chiến lược đã hoạch định giai đoạn 2016 – 2020 cho các dự án:
 - **01 dây chuyền nghiền xi măng** công suất 1 triệu tấn/năm tại khu vực Đông Nam Bộ để thay thế các dây chuyền nghiền xi măng tại TNTĐ phải dừng hoạt động.
 - **01 Dây chuyền nghiền xi măng** 1,0 triệu tấn/năm tại khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.
 - **Xi măng Bình Phước – giai đoạn 2**, thoả thuận với các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan, báo cáo Vicem và HĐQT xem xét quyết định trong năm 2016.

- **Cải tạo lò 1 Nhà máy xi măng Kiên Lương** nâng công suất từ 3000 tấn lên 4000 tấn/ngày
- Công ty tiến hành triển khai công tác xây dựng cơ bản mở tại Nhà máy xi măng Kiên Lương-Tỉnh Kiên Giang và Nhà máy xi măng Bình Phước-Tỉnh Bình Phước. Để đảm bảo nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất theo Giấy phép khai thác hiện hữu và dự trữ nguồn nguyên liệu phục vụ cho nhu cầu nâng công suất sản xuất khi đầu tư các giai đoạn sau
- Triển khai đầu tư các hạng mục mang tính đổi mới công nghệ, tăng khả năng xuất hàng bằng đường thủy, tăng hiệu quả trong sản xuất, môi trường và thu hồi vốn sớm.
- Triển khai các dự án di dời tại Trạm nghiên Thủ Đức (“TNTĐ”) nhằm duy trì ổn định sản xuất, bàn giao mặt bằng TNTĐ cho Công ty liên doanh đầu tư khu phức hợp Vicem.
- Lập, trình duyệt và thực hiện phương án di dời TNTĐ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Tp. HCM và Hội đồng quản trị. Hoàn thành công tác tháo dỡ để bàn giao mặt bằng TNTĐ cho Công ty liên doanh đầu tư khu phức hợp Vicem, tạo lập nguồn vốn hỗ trợ việc di dời TNTĐ theo chủ trương đã được Bộ Xây Dựng, Bộ Tài Chính, UBND Tp.HCM thông qua.

e. Lĩnh vực kinh doanh Bất động sản:

Hoàn tất các công tác chuẩn bị để lập dự án đầu tư xây dựng dự án Khu phức hợp VICEM tại TNTĐ, hoàn thành công tác quy hoạch 1/500, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, thu xếp nguồn vốn đóng tiền chuyển đổi mục đích sử dụng đất tạo nguồn tài chính hỗ trợ di dời Trạm nghiên Thủ Đức 2016-2018.

3. Các giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thành mục tiêu năm 2016

a. Công tác tiêu thụ:

- Đối với khách hàng Nhà thầu: Xây dựng hệ thống thông tin thầu thợ và phân loại nhằm chia nhỏ các đối tượng cần chăm sóc. Triển khai hội nghị thầu thợ, thông qua đó truyền bá dòng sản phẩm Vicem Hà Tiên PCB40 Premium để nhấn mạnh tính năng đổ móng và thay đổi nhận thức của thầu thợ “VCHT chỉ để xây tô”. Tổ chức các cuộc thi tay nghề, huấn luyện cho thầu thợ, đào tạo sử dụng cấp phối theo quy chuẩn của Vicem Hà Tiên (“VCHT”).
- Đối với khách hàng Cửa Hàng VLXD: Tổ chức chương trình khuyến mãi dành cho cửa hàng. Tổ chức các chương trình hội nghị giới thiệu sản phẩm, công nghệ và quá trình thành lập của Hà Tiên 1, thông tin kịp thời về sự kiện, tin tức công ty đến Nhà Phân phối, tận Cửa Hàng và nhà thầu. Tạo sự gắn kết dài lâu đối với khách hàng nắm bắt thông tin về sản lượng, đường đi sản phẩm và quảng bá thương hiệu Vicem Hà Tiên.
- Triển khai phần mềm quản lý thương vụ và cửa hàng vật liệu xây dựng nhằm quản lý hiệu quả, tăng năng lực cạnh tranh trong công tác bán hàng và chăm sóc khách hàng.

- Quảng bá thương hiệu, tổ chức dịch vụ sau bán hàng và hậu mãi đến người tiêu dùng (NTD), công trình dân dụng sử dụng 100% xi măng VCHT. Đối với các công ty đối tác uy tín trong ngành xây dựng Hà Tiên 1 tư vấn dịch vụ và thiết kế công trình, thi công cho các công trình lớn để cùng bán sản phẩm với giá cạnh tranh. Đồng thời, liên kết với các công ty xây dựng, kiến trúc, dự án bất động sản có sử dụng sản phẩm của Hà Tiên 1.
- Công tác tiếp thị cộng đồng: Tài trợ các hoạt động cộng đồng/chương trình từ thiện của Sở/Ban/Ngành tỉnh địa phương như: xây cầu đường, công trình nông thôn, tài trợ trường học, xây nhà tình thương... Truyền thông các chương trình tài trợ lớn trong năm như chiến dịch Mùa hè xanh. Tài trợ các lễ hội truyền thống tại địa phương.

b. Công tác sản xuất:

- Thuê gia công sản xuất xi măng tại Trạm nghiền Hạ Long đáp ứng lượng tiêu thụ theo mục tiêu khi di dời Trạm nghiền Thủ Đức.
- Sử dụng công nghệ hiện đại trong khai thác đá vôi đảm bảo sử dụng tối ưu hóa nguồn nguyên liệu của mỏ, kiểm soát tốt phối liệu từ nguyên liệu hỗn hợp cho đến bột liệu cấp liệu lò dẫn đến chất lượng bột liệu, clinker ổn định. Đảm bảo hệ thống lò chạy ổn định với công suất cao, tiết giảm tiêu hao nhiệt năng, điện năng.
- Việc tuân thủ các quy trình thử nghiệm và đánh giá độ tin cậy của thiết bị thử và hiệu chuẩn kiểm tra thiết bị định kỳ.
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng các phụ gia nguyên liệu đầu vào và trong sản xuất xi măng. Điều hành và quản lý chặt chẽ các định mức, tối ưu hóa chi phí, đảm bảo chất lượng xi măng tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.


c. Trách nhiệm với xã hội, môi trường, bảo đảm môi trường xanh:

- Duy trì và cải tiến hệ thống ISO & OHSAS 18001 toàn Công ty ;
- Tiếp tục xây dựng hệ thống ISO 50001 tại Nhà máy Kiên Lương, Trạm nghiền Long An và Trạm nghiền Cam Ranh.
- Chuyển đổi hệ thống quản lý ISO, an toàn & môi trường tại Trạm nghiền Hạ long phù hợp với hệ thống quản lý theo ISO của công ty & Đánh giá chứng nhận lại ISO 9001, ISO 14001 trong tháng 8/2016
- Tổ chức đào tạo & chuẩn bị chương trình chuyển đổi các HTQL chất lượng ISO9001 theo phiên bản 2015 & HTQL môi trường ISO 14001 theo phiên bản 2015 cho các đơn vị thuộc công ty vào năm 2017;
- Đảm bảo an toàn lao động, thường xuyên cập nhật kiến thức và trang bị an toàn lao động đến từng người lao động và duy trì giữ môi trường xanh.

d. Công tác khác:

- Cải tiến các hoạt động khác trong lãnh vực quản lý và điều hành với các ứng dụng mới của công nghệ thông tin ("CNTT"), tạo thuận lợi cho các nhà phân phối và thuận lợi trong quản lý, điều hành và chuẩn xác trong các báo cáo của Cty.

- Tiếp tục hiệu chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các hệ thống ứng dụng CNTT đã đưa vào sử dụng phù hợp với thay đổi về tổ chức và nghiệp vụ liên quan tại Công ty.
- Triển khai hệ thống báo cáo quản trị - Oracle BI (cho hoạt động quản trị mua hàng và tài chính) phục vụ ban lãnh đạo nắm bắt thông tin kịp thời trong công tác quản trị và ra quyết định.
- Triển khai và thực hiện các bước của các dự án mở rộng, kể cả các thủ tục mua lại các nhà máy xi măng của các đơn vị có dự định chuyển đổi kinh doanh.



BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT)

a. Về cơ cấu của Hội đồng quản trị Hà Tiên 1:

Hiện nay, cơ cấu Hội đồng quản trị (HĐQT) gồm 9 thành viên, trong đó:

- 03 thành viên là các thành viên HĐQT độc lập, chiếm trên 33% trong cơ cấu HĐQT Công ty.
- 02 thành viên không tham gia trực tiếp điều hành Công ty.
- 04 thành viên còn lại đều trực tiếp trong Ban điều hành Công ty.
- Tất cả 09 thành viên đều có trình độ Đại học và trên Đại học.
- Cơ cấu HĐQT hiện nay là phù hợp và thuận tiện cho việc điều hành Công ty.

b. Về kỹ năng của HĐQT

- Tất cả các thành viên HĐQT đều là những Nhà lãnh đạo cấp cao của Tổng Công ty công nghiệp xi măng Việt Nam hoặc các Công ty, là những Người có đạo đức tốt, sức khỏe đảm bảo, có bề dày kinh nghiệm trong lãnh đạo Doanh nghiệp. Đặc biệt HĐQT là một tập thể có trình độ quản lý và chuyên môn giỏi trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại, đầu tư, tài chính và vận tải,...
- Các thành viên HĐQT đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, có tầm nhìn chiến lược, đã đề ra các quyết định kịp thời trong năm 2015, tạo điều kiện cho Công ty hoạt động hiệu quả trong điều kiện nền kinh tế vẫn còn bị tác động mạnh từ sự suy giảm kinh tế và khủng hoảng tài chính toàn cầu. Hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư năm 2015 của Công ty đã đạt kết quả khá tốt trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt.

c. Về phối hợp hoạt động và chấp hành các quy định pháp luật của HĐQT

- HĐQT luôn tạo được sự gắn kết cùng nhau, đoàn kết một lòng trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và vì lợi ích cổ đông, vì sự phát triển bền vững và ổn định của Công ty.
- Tất cả các chỉ đạo, điều hành của HĐQT đều được thực hiện theo đúng điều lệ hoạt động của Công ty, đúng nghị quyết của Đại hội cổ đông cũng như theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam.

2. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

- Đảm bảo hoạt động của HĐQT theo đúng điều lệ hoạt động, đúng nghị quyết của ĐHCĐ Công ty và đúng với các quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam.
- Duy trì các chương trình họp HĐQT mỗi quý một lần để đề ra những quyết sách lớn nhằm thực hiện tốt nhất những mục tiêu do ĐHCĐ đề ra.
- Tiếp tục tạo môi trường tốt cho hoạt động của Công ty.
- Chú trọng các hoạt động sản xuất, tiêu thụ, đẩy mạnh công tác xuất khẩu, kinh doanh đa dạng ngành nghề; kinh doanh bất động sản và tài chính.

3. Hoạt động của HĐQT

Từ sau Đại hội cổ đông năm 2014 đến nay Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành các phiên họp, cụ thể như sau:

a. Phiên họp lần thứ hai mươi bảy:

- Thời gian họp: 8h30 sáng ngày 15/06/2015.
- Địa điểm: Văn phòng Công ty CP XMHT1 (360 Bến Chương Dương, P. Cầu Kho, Q.1, TP.HCM)
- Số thành viên dự họp: 9/9 thành viên.
- HĐQT đã xem xét và thông qua các nội dung gồm có :
 - Kết quả SX-KD Quý 1 và dự báo Quý 2 năm 2015.
 - Công tác Tổ Chức và Đầu tư XDCB
 - Các công việc khác có liên quan.
 - Phương án trả nợ sớm phần vay bằng ngoại tệ EURO và USD.

b. Phiên họp lần thứ hai mươi tám:

- Thời gian họp: 8h30 sáng ngày 21/09/2015.
- Địa điểm: Văn phòng Công ty CP XMHT1 (360 Bến Chương Dương, P. Cầu Kho, Q.1, TP.HCM)
- Số thành viên dự họp: 7/9 thành viên.
- HĐQT đã xem xét và thông qua các nội dung:
 - Kết quả SX-KD Quý 2; 6 tháng đầu năm và dự báo Quý 3 năm 2015.
 - Công tác quản lý và XDCB

c. Phiên họp lần thứ hai mươi chín:

- Thời gian họp: 8h30 sáng ngày 11/12/2015.
- Địa điểm: Văn phòng Công ty CP XMHT1 (360 Bến Chương Dương, P. Cầu Kho, Q.1, TP.HCM)
- Số thành viên dự họp: 9/9 thành viên.
- HĐQT đã xem xét và thông qua các nội dung:
 - Kết quả SX-KD Quý 3 và dự báo cả năm 2015.
 - Công tác Quản lý và XDCB

d. Phiên họp lần thứ ba mươi:

- Thời gian họp: 8h30 sáng ngày 26/02/2016.
- Địa điểm: Văn phòng Công ty CP XMHT1 (360 Bến Chương Dương, P. Cầu Kho, Q.1, TP.HCM)
- Số thành viên dự họp: 7/9 thành viên.
- HĐQT đã xem xét và thông qua các nội dung:
 - Kết quả SX-KD năm 2015 và dự báo Quý 1 năm 2016.
 - Kế hoạch di dời Trạm TĐ và đầu tư XDCB năm 2016
 - Đại hội đồng cổ đông năm 2016.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban kiểm soát và thư ký

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

i. Khoản thù lao trách nhiệm cho Hội đồng quản trị, như sau:

- Tổng số chi trả trong năm 2015 :		468.000.000 đồng
Trong đó:		
- Chủ tịch Hội đồng quản trị :	6.000.000 đ/tháng	72.000.000đ/năm
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị :	5.000.000 đ/tháng	60.000.000 đ/năm
- 7 thành viên Hội đồng Quản trị :	4.000.000 đ/tháng	336.000.000 đ/năm

ii. Khoản thù lao trách nhiệm cho Ban kiểm soát :

- Tổng chi trả trong năm 2015:		192.000.000 đ/năm
Trong đó:		
- Trưởng ban Kiểm soát :	4.000.000 đ/tháng	48.000.000 đ/năm
- 4 thành viên Ban kiểm soát :	3.000.000 đ/tháng	144.000.000 đ/năm

iii. Khoản thù lao trách nhiệm cho Thư ký Công ty :

- Tổng chi trả trong năm 2015:	3.000.000 đ/tháng	36.000.000 đ/năm
--------------------------------	-------------------	------------------

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm, các cổ đông nội bộ thực hiện các giao dịch nội bộ như sau:

- **Bà Dương Thu Hà – Vợ của Thành viên HĐQT thực hiện giao dịch:** Từ ngày 20/11/2015 đến 17/12/2015, bán 2.000 cổ phiếu trên tổng số 25.000 cổ phiếu đăng ký giao dịch, giảm tỷ lệ sở hữu xuống 0,00%.
- **Ông Phạm Thế Nghĩa – Thành viên Ban kiểm soát thực hiện giao dịch:**
 - Từ ngày 21/09/2015 đến 17/10/2015, thực hiện giao dịch bán 34.200 cổ phiếu trên tổng số 34.200 cổ phiếu đăng ký giao dịch, giảm tỷ lệ sở hữu xuống 0,00%.
 - Từ ngày 10/07/2015 đến 06/08/2015, thực hiện giao dịch bán 20.000 cổ phiếu trên tổng số 20.000 cổ phiếu đăng ký giao dịch, giảm tỷ lệ sở hữu xuống 0,01%.
- **Bà Trần Kim Vân – Chị của Chủ tịch HĐQT thực hiện giao dịch:** Từ ngày 16/07/2015 đến 31/07/2015, bán 4.030 cổ phiếu trên tổng số 4.030 cổ phiếu đăng ký giao dịch, giảm tỷ lệ sở hữu xuống 0,00%.
- **Bà Đoàn Thị Thảo Loan – Vợ của Chủ tịch HĐQT thực hiện giao dịch:** Từ ngày 05/05/2015 đến 29/05/2015, bán 0 cổ phiếu trên tổng số 131.600 cổ phiếu đăng ký giao dịch, giảm tỷ lệ sở hữu xuống 0,00%.
- **Bà Trần Thị Thái An – Em của Chủ tịch HĐQT thực hiện giao dịch:** Từ ngày 10/03/2015 đến 27/03/2015, bán 0 cổ phiếu trên tổng số 63.070 cổ phiếu đăng ký giao dịch, giảm tỷ lệ sở hữu xuống 0,00%.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không

d. **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:** thực hiện theo đúng điều lệ hoạt động của Công ty, đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

e. **Thông tin Ban điều hành**

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của ban điều hành:

	Họ tên	Chức vụ	Sở hữu cá nhân	Đại diện sở hữu
Hội đồng Quản trị				
Ông	Trần Việt Thắng	Chủ tịch	2.300	54.060.000
Ông	Nguyễn Ngọc Anh	P.Chủ tịch	145.940	-
Ông	Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	-	47.700.000
Ông	Cái Hồng Thu	Thành viên	22.080	41.340.000
Ông	Mai Văn Yên	Thành viên	3.080	31.800.000
Ông	Phạm Văn Thông	Thành viên	2.200	31.800.000
Ông	Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên	23.890	31.800.000
Ông	Nguyễn Văn Chuyên	Thành viên	980.835	-
Ông	Tô Hải	Thành viên	63.000	-
Ban Tổng Giám đốc				
Ông	Nguyễn Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	Như trên	-
Ông	Phạm Văn Thông	Phó Tổng Giám đốc	Như trên	-
Ông	Phạm Đình Nhật Cường	Phó Tổng Giám đốc	Như trên	-
Ông	Ngô Minh Lãng	Phó Tổng Giám đốc	3.213	-
Ông	Mai Văn Yên	Phó Tổng Giám đốc	Như trên	-
Ban Kiểm soát				
Ông	Phạm Đức Trung	Trưởng ban	-	14.918.824
Bà	Phùng Thị Tân Thanh	Thành viên	-	-
Ông	Phạm Thế Nghĩa	Thành viên	950	-
Bà	Nguyễn Thị Tố Nga	Thành viên	-	-
Ông	Trần Thị Bích Thủy	Thành viên	3.270	-
Trưởng Phòng Kế Toán Thống Kê Tài Chính				
Bà	Lê Thị Phương Dung	-	-	-

(Ghi chú: theo danh sách cổ đông của Công ty chốt ngày 23/03/2016)

PHỤ LỤC: NGHỊ QUYẾT PHÁT SINH TRONG NĂM 2015 VÀ QUÝ 1 NĂM 2016

Tất cả các thành viên HĐQT Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 đã chuẩn thuận phê duyệt các Quy chế, Nghị quyết sau:

- + 05 Quy chế
- + Tất cả các thành viên HĐQT đã thông qua tổng cộng 52 Nghị quyết, trong đó có 49 Nghị quyết luân chuyển và 4 Nghị quyết chính phiên, chi tiết được ghi trong phụ lục đính kèm.



**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA
BAN KIỂM SOÁT
2015**

1. Hoạt động của Ban kiểm soát

a. Các công tác đã thực hiện năm 2015

- Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty khi được mời;
- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty năm 2015, cụ thể:
 - Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành trong năm 2015;
 - Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Điều hành Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm;
 - Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 đối với HĐQT và Ban Điều hành;
 - Thẩm tra các Báo cáo tài chính 06 tháng, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra;
 - Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật;
- Năm 2015, Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện:
 - Ban kiểm soát đã được mời tham dự đầy đủ, tham gia ý kiến tại cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị Công ty;
 - Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ về các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty;
 - Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động, tình hình tài chính của Công ty định kỳ 6 tháng, năm.

b. Kế hoạch định hướng năm 2016

- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo các quy định của pháp luật và công ty (Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế quản trị của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát);
- Ban kiểm soát sẽ thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến hoạt động đầu tư của Công ty;
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

2. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm (và bất thường) theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị cũng đã thông qua nhiều quyết định bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật (và công

ty), đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm;

- Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty. Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty như sau:
 - Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2015;
 - Nghị quyết phê duyệt tổ chức Công ty và các Chi nhánh theo mô hình 05 công đoạn 07 phân đoạn;
- HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã phối hợp cùng với Ban Điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty để cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 đã được thông qua trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015;
- Các công tác khác theo chức năng và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Kết quả giám sát hoạt động của Ban giám đốc

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Năm 2015, tiếp tục là một năm thuận lợi đối với Công ty, Tổng Giám đốc Công ty cùng với Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp Công ty duy trì lợi nhuận đạt mức cao, đảm bảo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động;
- Về công tác tài chính kế toán: Ban điều hành đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc lập báo cáo tài chính quý, năm đúng hạn, đúng chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật của Việt Nam. Đối với các khoản nợ, Ban điều hành đã chỉ đạo ưu tiên thanh toán các khoản nợ đến hạn để giảm chi phí tài chính cho Công ty. Bên cạnh đó, mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, ngân hàng được tăng cường để đảm bảo hạn mức tín dụng về vốn lưu động, vay trung hạn, dài hạn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh 2015 và các năm tiếp theo;
- Về công tác đầu tư kinh doanh bất động sản: Công ty đang tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên doanh thực hiện thủ tục đầu tư Dự án Khu phức hợp tại vị trí Trạm nghiên Thủ Đức sau khi hoàn tất di dời dây chuyền sản xuất đến các vị trí mới.
- Về công tác tổ chức nhân sự: Ban điều hành đã chỉ đạo tiến hành sắp xếp, tuyển dụng và bồi dưỡng nhân sự, đánh giá cán bộ tại Văn phòng phù hợp với thực tế kinh doanh tại Công ty.

4. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2015

a. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành;

- Các Báo cáo tài chính năm 2015 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết;
- Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn bộ. Các Báo cáo tài chính năm 2015 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm 2015, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

b. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD chủ yếu trong năm 2015 như sau:

Nội dung	Đvt	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	TH/KH 2015	TH2015 /TH2014
1. Tổng doanh thu	Tỷ đ	7.043	7.148	8.001	111,9	113,6
2. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	396	367	950	258,9	240,1
3. Nộp ngân sách	Tỷ đ	328		622		189,6

Căn cứ vào bảng tổng hợp nêu trên: Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu về kế hoạch SXKD theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015, trong đó: doanh thu đạt 111,9%, lợi nhuận trước thuế đạt 258,9%; so với năm 2014, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 240,1%.

c. Tình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015

i. Các chỉ tiêu phân tích tài chính

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2015	Năm 2014
<i>1. Cơ cấu tài sản</i>			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	88,56	87,77
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	11,44	12,23
<i>2. Cơ cấu vốn</i>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	62,86	70,67
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	37,14	29,33
<i>3. Khả năng thanh toán</i>			
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,25	0,20
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,44	0,40
<i>4. Tỷ suất sinh lời</i>			
- Lợi nhuận TT/Doanh thu thuần	%	12,49	5,86
- Lợi nhuận TT/Vốn chủ sở hữu	%	21,46	10,65
- Lợi nhuận ST/Doanh thu thuần	%	9,71	4,51
- Lợi nhuận TT/Vốn chủ sở hữu	%	16,69	8,21

Đánh giá chung: tỷ lệ nợ/tổng nguồn vốn trong cơ cấu vốn giảm so với năm 2014 do trong năm 2015 nợ phải trả giảm, vốn chủ sở hữu tăng (vốn chủ sở hữu tăng do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng đáng kể); Khả năng thanh toán hiện hành và Khả năng thanh toán nhanh trong năm 2015 tăng so với năm 2014 cho thấy khả năng thanh toán

các nghĩa vụ nợ đến hạn của Công ty tốt so với 2014. Xét về chỉ tiêu tỷ suất sinh lời tính trên doanh thu và Vốn chủ sở hữu thì kết quả năm 2015 đều tăng so với năm 2014.

ii. Nhận xét, đánh giá tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015

- Tỷ trọng tài sản ngắn hạn/phải trả ngắn hạn là 0,44 lần, Công ty có đủ khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.
- Tỷ lệ nợ phải trả/nguồn vốn chủ sở hữu là 1,69 lần. Tỷ lệ này là trung bình, chứng tỏ Công ty có đủ vốn tự có để hoạt động.
- Phải thu của khách hàng tại ngày 31/12/2015 là 323 tỷ đồng, bằng 4,25% doanh thu thuần 2015 của Công ty, tỷ lệ này là khá thấp, cho thấy Công ty không bị chiếm dụng vốn bởi khách hàng.
- Số dư vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2015 là 1.542 tỷ đồng. Nếu so với số dư tài khoản tiền và tương đương tiền 346 tỷ đồng và hàng tồn kho 645 tỷ đồng tại cùng thời điểm thì khoản vay ngắn hạn cao gấp 1,56 lần.
- Số dư vay và nợ dài hạn tại ngày 31/12/2015 là 4.417 tỷ đồng, khoản vay này được vay từ BIDV, VIETINBANK, VIETCOMBANK, CALYON và VICEM, nhằm tài trợ việc cho các dự án đã đưa vào hoạt động như Nhà máy xi măng Bình Phước, dây chuyền 2 Kiên Lương, đường BOT Trạm nghiên Phú Hữu,....

5. Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2015

- Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015, Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.
- Trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2015, Công ty đã thực hiện trích thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2015 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua.
- Thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ: không có
- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015: Doanh thu đạt 111,9%, lợi nhuận trước thuế đạt 258,9%; so với năm 2014, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 240,1%.

6. Kiến nghị

- Đề nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo Công ty có giải pháp triển khai nhanh việc lập Phương án và thực hiện di dời Trạm nghiên Thủ Đức theo quy định để không bị áp dụng hình thức cưỡng chế;
- Đề nghị Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc tiếp tục chỉ đạo Công ty thực hiện tốt công tác kiểm tra nhà thầu thi công theo hợp đồng đã thỏa thuận để công trình hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo đầy đủ thủ tục nghiệm thu, thanh toán các công trình đầu tư xây dựng theo quy định của Nhà nước.

A low-angle photograph of a large industrial plant, likely a refinery or chemical processing facility. The image features several tall, cylindrical towers with vertical corrugated metal siding. A complex network of pipes, some painted blue and others silver, crisscrosses the scene. A prominent blue pipe curves from the top right towards the center. A large, rounded, silver-colored structure is visible on the right side. The sky is a clear, bright blue with a few wispy clouds. The sun is positioned behind the central towers, creating a strong lens flare effect. The overall composition is dynamic, with strong vertical lines and a sense of scale.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
2015

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 48

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 ("Công ty"), trước đây là Công ty Xi măng Hà Tiên 1, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định Thành lập số 441/BXD-TCLD do Bộ Xây dựng cấp ngày 30 tháng 9 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102955 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 9 tháng 10 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000289 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2006.

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1774/QĐ-BXD do Bộ Xây dựng cấp. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt thông qua việc cấp GCNĐKKD số 4103005941 vào ngày 18 tháng 1 năm 2007, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh như sau:

GCNĐKKD điều chỉnh số:

Từ điều chỉnh lần thứ nhất đến điều chỉnh lần thứ mười một
0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười hai
0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười ba

Ngày:

Từ ngày 2 tháng 4 năm 2007 đến ngày 20 tháng 11 năm 2013
Ngày 12 tháng 2 năm 2014
Ngày 29 tháng 4 năm 2014

Vào ngày 30 tháng 4 năm 2010, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2, một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD lần đầu số 5603000124 ngày 1 tháng 2 năm 2008 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ hai số 1710101407 ngày 18 tháng 11 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp, đã được sáp nhập vào Công ty. Việc sáp nhập này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua việc cấp GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ sáu.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 136/QĐ-SGDCK do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 10 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là sản xuất và mua bán xi măng và các sản phẩm từ xi măng, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư xây dựng; xây dựng dân dụng; kinh doanh bất động sản (cho thuê văn phòng); khai thác đá, cát, sỏi, và đất sét; và thu gom, xử lý rác thải, tái chế phế liệu.

Công ty có trụ sở chính tại số 360 Bến Chương Dương, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trạm nghiền Phú Hữu tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trạm nghiền Thủ Đức tại Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nhà máy Xi măng Bình Phước tại Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước;
- Trạm nghiền Long An tại Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An;
- Nhà máy Xi măng Kiên Lương tại Thị trấn Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang;
- Trạm nghiền Cam Ranh tại Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa; và
- Xí nghiệp Quản lý đường B.O.T Phú Hữu tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Việt Thắng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Thành viên	
Ông Tô Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Chuyên	Thành viên	
Ông Cái Hồng Thu	Thành viên	
Ông Phạm Văn Thông	Thành viên	
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015
Ông Mai Văn Yên	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015
Ông Hoàng Kim Cường	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đức Trung	Trưởng ban kiểm soát	
Bà Phùng Thị Tân Thanh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Tố Nga	Thành viên	
Ông Phạm Thế Nghĩa	Thành viên	
Bà Trần Thị Bích Thủy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015
Ông Mai Thanh Sơn	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Minh Lăng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mai Văn Yên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Thông	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Kim Cường	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Tuấn Anh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2016



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 60933836/17793883

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 ("Công ty") được lập ngày 22 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Building a better
working world**

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Thị Tuyết Mai
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1575-2013-004-1

Đoàn Thị Thu Thủy
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.363.841.725.865	1.548.149.620.764
110	I. Tiền	4	345.519.758.971	219.000.746.505
111	1. Tiền		345.519.758.971	219.000.746.505
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		7.188.937.000	36.041.229.700
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	10.776.291.414	10.756.599.414
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(3.587.354.414)	(4.715.369.714)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	30.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		387.099.641.577	497.596.559.024
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	323.667.195.426	425.704.660.118
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	40.381.795.015	40.133.276.007
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	25.812.310.436	34.520.282.199
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(2.761.659.300)	(2.761.659.300)
140	IV. Hàng tồn kho		610.488.212.390	781.044.557.973
141	1. Hàng tồn kho	8	645.257.818.054	806.081.840.142
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8	(34.769.605.664)	(25.037.282.169)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.545.175.927	14.466.527.562
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	4.140.265.956	1.159.131.907
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.366.324.221	11.444.999.580
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		38.585.750	1.862.396.075
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		10.555.641.608.585	11.113.830.862.286
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.617.995.037	9.593.600.647
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	10.617.995.037	9.593.600.647
220	II. Tài sản cố định		9.247.731.952.397	9.853.782.204.435
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	9.142.619.274.892	9.739.082.520.190
222	Nguyên giá		13.811.350.540.176	13.795.191.707.240
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.668.731.265.284)	(4.056.109.187.050)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	105.112.677.505	114.699.684.245
228	Nguyên giá		121.294.723.910	128.750.163.010
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(16.182.046.405)	(14.050.478.765)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.013.379.529.915	845.424.109.134
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	1.013.379.529.915	845.424.109.134
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	5.2	41.112.000.000	56.000.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		10.200.000.000	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		56.000.000.000	56.000.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(25.088.000.000)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		242.800.131.236	349.030.948.070
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	56.113.998.258	171.243.387.764
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	8.898.572.672	-
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		177.787.560.306	177.787.560.306
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		11.919.483.334.450	12.661.980.483.050

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		7.493.032.065.060	8.947.989.128.032
310	I. Nợ ngắn hạn		3.070.124.452.088	3.845.842.357.772
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	911.117.587.428	1.020.201.834.642
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	36.950.272.261	32.546.594.476
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	120.449.111.637	100.265.802.777
314	4. Phải trả người lao động		106.875.634.037	98.364.259.432
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	77.056.778.853	338.475.008.351
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	104.117.791.084	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	102.886.347.643	94.085.536.062
320	8. Vay ngắn hạn	19	1.541.823.432.543	2.110.415.323.465
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	51.866.723.166	51.487.998.567
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		16.980.773.436	-
330	II. Nợ dài hạn		4.422.907.612.972	5.102.146.770.260
338	1. Vay dài hạn	19	4.417.023.812.778	5.097.134.755.677
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	20	5.883.800.194	5.012.014.583
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	21	4.426.451.269.390	3.713.991.355.018
410	I. Vốn chủ sở hữu		4.426.451.269.390	3.713.991.355.018
411	1. Vốn cổ phần		3.180.000.000.000	3.180.000.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		3.180.000.000.000	3.180.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		70.790.410.045	70.790.410.045
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		5.517.214.120	5.517.214.120
415	4. Cổ phiếu quỹ		(902.752.100)	(902.752.100)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		202.019.139.008	142.991.341.928
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		969.027.258.317	315.595.141.025
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế năm trước		230.332.767.465	10.666.024.631
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		738.694.490.852	304.929.116.394
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		11.919.483.334.450	12.661.980.483.050

Nguyễn Thị Loan

Nguyễn Thị Loan
Người lập

Lê Thị Phương Dung

Lê Thị Phương Dung
TP Tài chính Kế toán



Nguyễn Tuấn Anh
Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	8.001.188.091.758	7.043.112.350.206
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(392.738.197.205)	(285.025.142.717)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	7.608.449.894.553	6.758.087.207.489
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(5.934.404.661.901)	(5.424.387.761.929)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.674.045.232.652	1.333.699.445.560
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	98.971.995.364	291.606.501.506
22	7. Chi phí tài chính	25	(463.741.408.131)	(745.695.441.825)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(416.658.026.801)	(522.707.830.704)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(85.717.896.929)	(321.102.905.652)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(282.054.859.279)	(164.217.124.827)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		941.503.063.677	394.290.474.762
31	11. Thu nhập khác	26	10.274.968.927	9.653.054.844
32	12. Chi phí khác	26	(1.648.201.135)	(8.247.694.929)
40	13. Lợi nhuận khác		8.626.767.792	1.405.359.915
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		950.129.831.469	395.695.834.677
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.2	(220.333.913.289)	(90.766.718.283)
52	16. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	28.3	8.898.572.672	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		738.694.490.852	304.929.116.394
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.323	877
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	2.323	877



Nguyễn Thị Loan
Người lập



Lê Thị Phương Dung
TP Tài chính Kế toán



Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		950.129.831.469	395.695.834.677
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		618.843.660.510	639.111.421.323
03	Các khoản dự phòng		34.942.818.405	23.631.277.769
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(43.172.674.029)	(14.511.994.995)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(45.123.531.776)	(26.228.859.744)
06	Chi phí lãi vay	25	416.658.026.801	522.707.830.704
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.932.278.131.380	1.540.405.509.734
09	Tăng các khoản phải thu		(33.246.750.938)	(57.029.011.468)
10	Giảm hàng tồn kho		160.824.022.088	26.008.742.110
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		16.044.192.978	(16.652.572.515)
12	Giảm chi phí trả trước		112.148.255.457	55.907.410.974
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(19.692.000)	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(509.350.168.445)	(538.517.157.763)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	28.2	(221.715.121.990)	(17.961.445.863)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(9.253.803.044)	(1.003.633.761)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.447.709.065.486	991.157.841.448
	II. LƯU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(158.162.619.320)	(161.367.237.084)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		8.244.187.904	6.524.233.636
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng		-	(30.000.000.000)
24	Tiền thu hồi từ đáo hạn tiền gửi ngân hàng		30.000.000.000	-
27	Tiền thu lãi và cổ tức được chia		4.214.994.547	4.182.358.653
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(115.703.436.869)	(180.660.644.795)

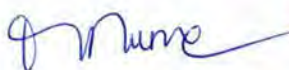
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		4.571.877.986.019	4.442.423.021.621
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(5.777.318.892.452)	(5.236.084.278.038)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(46.225.000)	(14.375.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(1.205.487.131.433)	(793.675.631.417)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		126.518.497.184	16.821.565.236
60	Tiền đầu năm		219.000.746.505	202.131.163.112
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		515.282	48.018.157
70	Tiền cuối năm	4	345.519.758.971	219.000.746.505




Nguyễn Thị Loan
Người lập



Lê Thị Phương Dung
TP Tài chính Kế toán




Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 ("Công ty"), trước đây là Công ty Xi măng Hà Tiên 1, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định Thành lập số 441/BXD-TCLD do Bộ Xây dựng cấp ngày 30 tháng 9 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") đầu tiên của Công ty số 102955 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 9 tháng 10 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000289 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 9 năm 2006.

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1774/QĐ-BXD do Bộ Xây dựng cấp. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt thông qua việc cấp GCNĐKKD số 4103005941 vào ngày 18 tháng 1 năm 2007, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh như sau:

GCNĐKKD điều chỉnh số:

Từ điều chỉnh lần thứ nhất đến điều chỉnh lần thứ mười một
0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười hai
0301446422 - Điều chỉnh lần thứ mười ba

Ngày:

Từ ngày 2 tháng 4 năm 2007
đến ngày 20 tháng 11 năm 2013
Ngày 12 tháng 2 năm 2014
Ngày 29 tháng 4 năm 2014

Vào ngày 30 tháng 4 năm 2010, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 2, một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD lần đầu số 5603000124 ngày 1 tháng 2 năm 2008 và GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ hai số 1710101407 ngày 18 tháng 11 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp, được sáp nhập vào Công ty. Việc sáp nhập này đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt, thông qua việc cấp GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ sáu.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 136/QĐ-SGDCK do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 10 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là sản xuất và mua bán xi măng và các sản phẩm từ xi măng, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư xây dựng; xây dựng dân dụng; kinh doanh bất động sản (cho thuê văn phòng); khai thác đá, cát, sỏi, và đất sét; và thu gom, xử lý rác thải, tái chế phế liệu.

Công ty có trụ sở chính tại số 360 Bến Chương Dương, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh của Công ty như sau:

- Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trạm nghiền Phú Hữu tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trạm nghiền Thủ Đức tại Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nhà máy Xi măng Bình Phước tại Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước;
- Trạm nghiền Long An tại Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An;
- Nhà máy Xi măng Kiên Lương tại Thị trấn Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang;
- Trạm nghiền Cam Ranh tại Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa; và
- Xí nghiệp Quản lý đường B.O.T Phú Hữu tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 2.839 (31 tháng 12 năm 2014: 2.869).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thống lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200").

Thông tư 200 thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính năm này như đã trình bày tại Thuyết minh số 35.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và sản phẩm dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng và giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất được mua hoặc thuê bởi Công ty. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được xác định hoặc có thời hạn hoặc vô thời hạn. Theo đó, các quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng có thời hạn, chủ yếu bao gồm tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian thuê, trong khi các quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng vô thời hạn thì không được phân bổ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 30 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Chương trình phần mềm	3 - 8 năm
Bản quyền	3 - 8 năm
Khác	5 - 25 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng, hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Lợi thế kinh doanh và giá trị thương hiệu phát sinh từ việc cổ phần hóa của Công ty theo Quyết định số 1401/QĐ-BXD ngày 10 tháng 10 năm 2006 và Quyết định số 865/QĐ-BXD ngày 11 tháng 6 năm 2007 của Bộ Xây dựng về việc xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và các văn bản có liên quan được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị này được phân bổ trong khoảng thời gian không quá 10 năm theo quy định tại Thông tư số 138/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 8 năm 2012 hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước.

Trong năm, Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ lợi thế kinh doanh và giá trị thương hiệu phát sinh từ việc cổ phần hóa của Công ty từ 10 năm xuống 9 năm (*Thuyết minh số 9*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư 200. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu đối với giao dịch bán hàng theo chương trình dành cho khách hàng truyền thống

Doanh thu được ghi nhận là tổng số tiền phải thu hoặc đã thu trừ đi giá trị hợp lý của hàng hóa phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua. Giá trị hợp lý của hàng hóa phải cung cấp miễn phí hoặc số phải chiết khấu, giảm giá cho người mua được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Khoản doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng khi:

- Đến hết thời hạn của chương trình mà người mua không đạt đủ điều kiện theo quy định của chương trình và không được hưởng hàng hóa miễn phí hoặc chiết khấu giảm giá; hoặc
- Người mua đạt được đủ điều kiện theo quy định của chương trình và Công ty đã thực hiện xong nghĩa vụ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

Tài sản thuế TNDN và thuế TNDN phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế TNDN hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế TNDN hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải nộp và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính ở Việt Nam ("Thông tư 210"), tài sản tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu và trình bày (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ đi các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác và các khoản vay ngắn và dài hạn.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.19 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh xi măng và các sản phẩm liên quan đến xi măng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

4. TIỀN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	437.038.071	296.772.523
Tiền gửi ngân hàng	345.082.720.900	218.703.973.982
TỔNG CỘNG	<u>345.519.758.971</u>	<u>219.000.746.505</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh thể hiện các khoản đầu tư vào cổ phiếu của các công ty niêm yết. Chi tiết như sau:

	VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	7.632.180.000	(1.879.655.700)	5.752.524.300	7.632.180.000	(3.452.099.700)	4.180.080.300
Các khoản đầu tư khác	3.144.111.414	(1.707.698.714)	1.436.412.700	3.124.419.414	(1.263.270.014)	1.861.149.400
TỔNG CỘNG	10.776.291.414	(3.587.354.414)	7.188.937.000	10.756.599.414	(4.715.369.714)	6.041.229.700

5.2. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
	Đầu tư vào công ty liên kết (*)	-	10.200.000.000	-
Công ty TNHH Nguyễn Quang Sài Gòn Ô tô	-	10.200.000.000	-	-
Đầu tư vào các công ty khác (**)	3.010.000	30.912.000.000	3.010.000	56.000.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	2.310.000	42.000.000.000	2.310.000	42.000.000.000
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	700.000	14.000.000.000	700.000	14.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty khác	-	(25.088.000.000)	-	-
TỔNG CỘNG	3.010.000	41.112.000.000	3.010.000	56.000.000.000

(*) Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản góp vốn bằng tài sản cố định và quyền thuê đất để nắm giữ 24% quyền kiểm soát tại Công ty TNHH Nguyễn Quang Sài Gòn Ô tô.

(**) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào cổ phiếu của các công ty niêm yết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	288.475.439.247	416.373.130.811
- Doanh nghiệp tư nhân Tân Xuân Anh	91.386.532.335	75.722.455.628
- Các khoản phải thu khách hàng khác	197.088.906.912	340.650.675.183
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	<u>35.191.756.179</u>	<u>9.331.529.307</u>
TỔNG CỘNG	323.667.195.426	425.704.660.118
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(2.761.659.300)</u>	<u>(2.761.659.300)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>320.905.536.126</u>	<u>422.943.000.818</u>

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	39.566.520.015	38.572.588.307
- Liên doanh Công ty TNHH Siam Vina - Công ty TNHH Flsmidth	5.117.357.557	-
- Các khoản trả trước khác	34.449.162.458	38.572.588.307
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	<u>815.275.000</u>	<u>1.560.687.700</u>
TỔNG CỘNG	<u>40.381.795.015</u>	<u>40.133.276.007</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	25.812.310.436	34.520.282.199
Thuế GTGT chưa kê khai khấu trừ	13.803.507.823	16.845.353.694
Ứng trước cho hợp đồng hợp tác kinh doanh	3.294.450.480	464.007.110
Phải thu khác	8.714.352.133	17.210.921.395
Dài hạn	10.617.995.037	9.593.600.647
Ký quỹ, ký cược dài hạn	<u>10.617.995.037</u>	<u>9.593.600.647</u>
TỔNG CỘNG	<u>36.430.305.473</u>	<u>44.113.882.846</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	262.940.969.752	(34.769.605.664)	312.759.263.220	(25.037.282.169)
Thành phẩm	255.685.901.175	-	396.007.288.606	-
Hàng mua đang đi trên đường	67.766.653.935	-	23.536.346.910	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	56.132.031.790	-	69.480.017.273	-
Công cụ, dụng cụ	2.732.261.402	-	4.298.924.133	-
TỔNG CỘNG	<u>645.257.818.054</u>	<u>(34.769.605.664)</u>	<u>806.081.840.142</u>	<u>(25.037.282.169)</u>

Tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(25.037.282.169)	(25.037.282.169)
Dự phòng trích lập trong năm	(9.732.323.495)	-
Số cuối năm	<u>(34.769.605.664)</u>	<u>(25.037.282.169)</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	4.140.265.956	1.159.131.907
Chi phí bảo hiểm	2.383.604.564	933.474.950
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	1.239.096.000	-
Khác	517.565.392	225.656.957
Dài hạn	56.113.998.258	171.243.387.764
Chi phí giải phóng mặt bằng	29.051.840.810	29.782.704.735
Chi phí bóc tầng phủ	25.337.796.355	28.679.495.152
Lợi thế kinh doanh và giá trị thương hiệu phát sinh từ cổ phần hóa	-	107.834.853.996
Khác	1.724.361.093	4.946.333.881
TỔNG CỘNG	<u>60.254.264.214</u>	<u>172.402.519.671</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND					
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	3.861.770.299.117	8.568.899.926.955	373.891.674.844	29.421.735.287	961.208.071.037	13.795.191.707.240
Mua mới trong năm	-	7.205.747.822	4.793.853.000	339.958.909	-	12.339.559.731
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.382.064.805	4.420.417.259	-	296.922.000	-	9.099.404.064
Thanh lý, nhượng bán	(142.742.600)	(1.901.268.108)	-	(139.169.151)	-	(2.183.179.859)
Giảm khác	(3.096.951.000)	-	-	-	-	(3.096.951.000)
Số cuối năm	3.862.912.670.322	8.578.624.823.928	378.685.527.844	29.919.447.045	961.208.071.037	13.811.350.540.176
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	116.434.649.528	1.109.632.711.853	102.096.101.173	11.665.219.679	36.489.653.595	1.376.318.335.828
Chờ thanh lý	11.297.904.999	147.655.773.939	11.039.015.572	2.148.831.425	86.425.600	172.227.951.535
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	895.300.647.353	2.780.511.392.531	199.284.333.872	21.273.046.533	159.739.766.761	4.056.109.187.050
Khấu hao trong năm	135.438.239.694	414.250.089.302	26.941.946.367	2.966.159.242	37.070.266.414	616.666.701.019
Thanh lý, nhượng bán	(134.948.543)	(1.804.719.870)	-	(139.169.151)	-	(2.078.837.564)
Giảm khác	(1.965.785.221)	-	-	-	-	(1.965.785.221)
Số cuối năm	1.028.638.153.283	3.192.956.761.963	226.226.280.239	24.100.036.624	196.810.033.175	4.668.731.265.284
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	2.966.469.651.764	5.788.388.534.424	174.607.340.972	8.148.688.754	801.468.304.276	9.739.082.520.190
Số cuối năm	2.834.274.517.039	5.385.668.061.965	152.459.247.605	5.819.410.421	764.398.037.862	9.142.619.274.892
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời không sử dụng	9.059.808	561.813.437	-	-	-	570.873.245
Chờ thanh lý	9.059.808	354.875.463	-	-	-	363.935.271

Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn (Thuyết minh số 19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

				VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Bản quyền</i>	<i>Chương trình phần mềm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	113.074.047.242	4.020.085.388	11.656.030.380	128.750.163.010
Mua trong năm	-	-	97.530.000	97.530.000
Thanh lý, nhượng bán	(7.460.577.500)	-	(92.391.600)	(7.552.969.100)
Số cuối năm	<u>105.613.469.742</u>	<u>4.020.085.388</u>	<u>11.661.168.780</u>	<u>121.294.723.910</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu trừ hết</i>	1.789.508.560	1.681.829.388	2.397.116.442	5.868.454.390
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	4.755.130.289	3.043.916.421	6.251.432.055	14.050.478.765
Khấu trừ trong năm	599.278.702	377.494.280	1.247.186.258	2.223.959.240
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(92.391.600)	(92.391.600)
Số cuối năm	<u>5.354.408.991</u>	<u>3.421.410.701</u>	<u>7.406.226.713</u>	<u>16.182.046.405</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>108.318.916.953</u>	<u>976.168.967</u>	<u>5.404.598.325</u>	<u>114.699.684.245</u>
Số cuối năm	<u>100.259.060.751</u>	<u>598.674.687</u>	<u>4.254.942.067</u>	<u>105.112.677.505</u>

Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định vô hình cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn (Thuyết minh số 19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các dự án tại Bình Phước	346.432.408.667	335.760.054.642
Dự án đường bộ B.O.T Phú Hữu	440.963.414.668	331.377.702.181
Các dự án tại Kiên Lương	170.129.626.493	155.212.456.444
Khác	55.854.080.087	23.073.895.867
TỔNG CỘNG	<u>1.013.379.529.915</u>	<u>845.424.109.134</u>

13. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay là 3.809.004.613 VND. Các khoản lãi vay này phát sinh từ khoản vay nhằm đầu tư xây dựng dự án đường bộ B.O.T Phú Hữu.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	662.720.186.421	662.720.186.421	731.877.658.901	731.877.658.901
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	248.397.401.007	248.394.118.007	288.324.175.741	288.324.175.741
TỔNG CỘNG	<u>911.117.587.428</u>	<u>911.117.587.428</u>	<u>1.020.201.834.642</u>	<u>1.020.201.834.642</u>

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	30.633.159.242	25.179.883.853
- Công ty Cổ Phần Vật liệu xây dựng và Trang trí nội thất TP. Hồ Chí Minh	9.167.363.482	3.826.797.581
- Công ty Cổ phần Trang Trí	4.170.858.530	5.008.666.790
- Khác	17.294.937.230	16.344.419.482
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 29)	6.317.113.019	7.366.710.623
TỔNG CỘNG	<u>36.950.272.261</u>	<u>32.546.594.476</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải trả trong năm	Số đã nộp/ cần trừ trong năm	Số cuối năm
Thuế TNDN (Thuyết minh số 28.2)	71.103.650.583	220.333.913.289	223.328.767.198	68.108.796.674
Thuế GTGT	19.987.731.020	305.442.661.559	287.583.914.258	37.846.478.321
Thuế tài nguyên	5.796.557.053	34.440.714.797	31.218.458.956	9.018.812.894
Thuế thu nhập cá nhân	826.512.981	5.546.919.725	4.850.589.127	1.522.843.579
Thuế xuất, nhập khẩu	-	17.135.524.976	17.135.524.976	-
Thuế, phí khác	2.551.351.140	59.710.114.807	58.309.285.778	3.952.180.169
TỔNG CỘNG	100.265.802.777	642.609.849.153	622.426.540.293	120.449.111.637

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả ngân hàng	71.104.742.986	82.355.669.139
Lãi vay phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	1.645.322.057	83.742.247.192
Khác	4.306.713.810	172.377.092.020
TỔNG CỘNG	77.056.778.853	338.475.008.351

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn chủ yếu thể hiện khoản doanh thu chưa thực hiện phát sinh từ chương trình khách hàng truyền thống.

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	50.000.000.000	50.000.000.000
Chi phí tài trợ giáo dục	25.000.000.000	9.000.000.000
Khác	27.886.347.643	35.085.536.062
TỔNG CỘNG	102.886.347.643	94.085.536.062
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>52.886.347.643</i>	<i>35.085.536.062</i>
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>50.000.000.000</i>	<i>59.000.000.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	1.541.823.432.543	2.110.415.323.465
Vay ngắn hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	796.225.610.115	1.402.537.490.013
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	742.597.822.428	704.877.833.452
Vay dài hạn các bên liên quan đến hạn trả (Thuyết minh số 19.3)	3.000.000.000	3.000.000.000
Vay dài hạn	4.417.023.812.778	5.097.134.755.677
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	4.343.367.230.306	5.019.478.173.205
Vay dài hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 19.3)	73.656.582.472	77.656.582.472
TỔNG CỘNG	5.958.847.245.321	7.207.550.079.142

Tình hình tăng giảm các khoản vay như sau:

	VND	
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn
Số đầu năm	2.110.415.323.465	5.097.134.755.677
Tiền thu từ đi vay	4.454.691.892.959	117.186.093.060
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	762.310.835.585	(762.310.835.585)
Tiền chi trả nợ gốc vay	(5.777.318.892.452)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm có gốc ngoại tệ	(8.275.727.014)	(34.986.200.374)
Số cuối năm	1.541.823.432.543	4.417.023.812.778
Số có khả năng trả nợ	1.541.823.432.543	4.417.023.812.778

19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng của Công ty nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Các khoản vay này có thời hạn sáu (6) tháng kể từ ngày giải ngân và chịu lãi suất theo lãi suất thỏa thuận. Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

	VND
	Số cuối năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam ("Vietcombank") – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (*)	279.921.210.735
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ("Vietinbank") – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (**)	234.402.105.619
Vietinbank – Chi nhánh Kiên Giang (**)	112.339.128.855
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") – Chi nhánh Sở Giao Dịch II (*)	138.775.668.291
Ngân hàng Bản Việt (***)	30.787.496.615
TỔNG CỘNG	796.225.610.115

(*) Các khoản vay ngắn hạn này có cùng tài sản thế chấp với các khoản vay dài hạn (Thuyết minh số 19.2);

(**) Đây là các khoản vay ngắn hạn tín chấp; và

(***) Khoản vay này được thế chấp bằng một số nguyên vật liệu chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn
<i>BIDV – Chi nhánh Sở Giao dịch II (i)</i>		
Khoản vay số 1	95.987.499.987	Ngày 15 tháng 8 năm 2021
Khoản vay số 2	109.512.500.000	Ngày 15 tháng 8 năm 2021
Khoản vay số 3	79.400.000.000	Ngày 1 tháng 4 năm 2022
Khoản vay số 4	110.126.319.220	Ngày 22 tháng 6 năm 2020
<i>Vay hợp vốn của 9 chi nhánh ngân hàng thương mại do BIDV - Sở Giao dịch II làm đầu mối (ii)</i>	1.593.933.888.970	Ngày 26 tháng 10 năm 2022
<i>Ngân hàng Société Générale (iii)</i>		
Khoản vay số 1	647.412.576.386	Ngày 7 tháng 11 năm 2019
Khoản vay số 2	286.486.063.201	Ngày 28 tháng 2 năm 2020
Khoản vay số 3	144.546.798.714	Ngày 26 tháng 2 năm 2020
<i>Vietinbank - Chi nhánh Kiên Giang (iv)</i>		
Khoản vay số 1	438.399.887.508	Ngày 7 tháng 12 năm 2020
Khoản vay số 2	204.290.000.000	Ngày 7 tháng 12 năm 2020
Khoản vay số 3	95.054.309.367	Ngày 7 tháng 12 năm 2020
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam (v)</i>	205.909.204.157	Ngày 30 tháng 12 năm 2018
<i>Vietcombank - Chi nhánh Kiên Giang (vi)</i>		
Khoản vay số 1	86.083.398.617	Ngày 8 tháng 5 năm 2018
Khoản vay số 2	52.400.000.000	Ngày 24 tháng 12 năm 2018
<i>Ngân hàng Calyon (vii)</i>		
Khoản vay số 1	499.338.652.738	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Khoản vay số 2	159.260.414.642	Ngày 30 tháng 6 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn
<i>Vay hợp vốn của 2 chi nhánh ngân hàng thương mại do BIDV - Chi nhánh Khánh Hòa làm đầu mối (viii)</i>		
Khoản vay số 1	156.183.008.740	Ngày 25 tháng 4 năm 2020
Khoản vay số 2	121.640.530.487	Ngày 25 tháng 4 năm 2020
TỔNG CỘNG	<u>5.085.965.052.734</u>	

Trong đó:

<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	742.597.822.428
<i>Vay dài hạn</i>	4.343.367.230.306

- (i) Mục đích của khoản vay số 1, 2 và 3 nhằm tài trợ việc xây dựng Trạm nghiền Phú Hữu tọa lạc tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Dự án này là tài sản thế chấp cho khoản vay. Thời gian vay là 18 năm với lãi suất thỏa thuận.
- Mục đích của khoản vay số 4 nhằm tài trợ chi phí đầu tư dự án đường bộ Phú Hữu B.O.T. Công ty đã thế chấp quyền thừa kế chủ đầu tư đường bộ Phú Hữu B.O.T (bao gồm quyền thu phí) và các quyền tài sản khác phát sinh từ dự án đường bộ Phú Hữu B.O.T. Ngoài ra, khoản vay này được Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam đã bảo lãnh trả nợ thay cả gốc và lãi. Thời gian vay là 5 năm với lãi suất thỏa thuận.
- (ii) Mục đích của khoản vay này nhằm tài trợ việc xây dựng Nhà máy Xi măng Bình Phước và Trạm nghiền Phú Hữu, tọa lạc tại Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước và tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Dự án này cũng là tài sản thế chấp cho khoản vay. Thời gian vay là 18 năm với lãi suất thỏa thuận.
- (iii) Mục đích của khoản vay này nhằm tài trợ gói thiết bị số 1 của Dự án Nhà máy Xi măng Bình Phước. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Bộ Tài chính. Thời hạn vay là 13 năm với lãi suất EURIBOR 6 tháng và LIBOR sáu (6) tháng cộng lãi suất biên.
- (iv) Mục đích của các khoản vay này nhằm tài trợ cho Dự án Hà Tiên 2.2. Tài sản thế chấp cho các khoản vay này là quyền sử dụng đất thuê với diện tích 7.243.385 m², tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại Thị trấn Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang. Thời hạn vay là 13 năm với lãi suất thỏa thuận.
- (v) Mục đích của các khoản vay này nhằm tài trợ cho Dự án Hà Tiên 2.2 tọa lạc tại Thị trấn Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang. Dự án này cũng là tài sản thế chấp cho khoản vay. Thời hạn vay là 11 năm với lãi suất thỏa thuận.
- (vi) Mục đích của các khoản vay này nhằm tài trợ việc xây dựng Dự án Trạm nghiền Long An tọa lạc tại Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An. Dự án này cũng là tài sản thế chấp cho khoản vay. Thời gian vay là 11 năm với lãi suất thỏa thuận.
- (vii) Mục đích của các khoản vay này nhằm tài trợ việc xây dựng Dự án Hà Tiên 2.2 tọa lạc tại Thị trấn Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Bộ Tài chính. Thời hạn vay là 13 năm với lãi suất EURIBOR 6 tháng cộng lãi suất biên.
- (viii) Mục đích của các khoản vay này nhằm tài trợ việc tiếp nhận Dự án Trạm nghiền Cam Ranh tọa lạc tại Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa. Dự án này cũng là tài sản thế chấp cho khoản vay. Thời gian vay là mười (10) năm với lãi suất thỏa thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY (tiếp theo)

19.3 Vay dài hạn từ các bên liên quan

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>
	VND	
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng ("CFC")	59.088.008.865	Ngày 26 tháng 4 năm 2020
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("VICEM")	17.568.573.607	Ngày 25 tháng 4 năm 2020
TỔNG CỘNG	<u>76.656.582.472</u>	
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>3.000.000.000</i>	
<i>Vay dài hạn</i>	<i>73.656.582.472</i>	

Đây là các khoản vay tín chấp dùng để tài trợ việc xây dựng Dự án Trạm nghiền Cam Ranh. Thời gian vay tương ứng là 7 năm 6 tháng và 10 năm, với lãi suất thỏa thuận.

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
		VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn	51.866.723.166	51.487.998.567
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	32.457.499.416	51.487.998.567
Chi phí liên quan đến việc di dời Trạm nghiền Thủ Đức (*)	19.409.223.750	-
Dự phòng phải trả dài hạn	5.883.800.194	5.012.014.583
Phí phục hồi môi trường	5.883.800.194	5.012.014.583
TỔNG CỘNG	<u>57.750.523.360</u>	<u>56.500.013.150</u>

(*) Kế hoạch di dời Trạm nghiền Thủ Đức được thực hiện theo Quyết định số 86/2010/QĐ/TTg do Thủ tướng Chính phủ ban hành vào ngày 22 tháng 12 năm 2010 và Thông báo số 769/TB-VP do Ủy ban nhân dân Thành Phố thông báo đến Công ty ngày 5 tháng 10 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND							
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác thuộc chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước								
Số đầu năm	3.180.000.000.000	70.790.410.045	(902.752.100)	5.517.214.120	(208.252.407.562)	142.991.341.928	6.799.835.587	3.196.943.642.018
Ảnh hưởng của việc trình bày lại	-	-	-	-	-	-	3.866.189.044	3.866.189.044
Số đầu năm - Đã trình bày lại (*)	3.180.000.000.000	70.790.410.045	(902.752.100)	5.517.214.120	(208.252.407.562)	142.991.341.928	10.666.024.631	3.200.809.831.062
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	304.929.116.394	304.929.116.394
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	208.252.407.562	-	-	208.252.407.562
Số cuối năm	<u>3.180.000.000.000</u>	<u>70.790.410.045</u>	<u>(902.752.100)</u>	<u>5.517.214.120</u>	<u>-</u>	<u>142.991.341.928</u>	<u>315.595.141.025</u>	<u>3.713.991.355.018</u>
Năm nay								
Số đầu năm	3.180.000.000.000	70.790.410.045	(902.752.100)	5.517.214.120	-	142.991.341.928	315.595.141.025	3.713.991.355.018
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	738.694.490.852	738.694.490.852
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	59.027.797.080	(85.262.373.560)	(26.234.576.480)
Số cuối năm	<u>3.180.000.000.000</u>	<u>70.790.410.045</u>	<u>(902.752.100)</u>	<u>5.517.214.120</u>	<u>-</u>	<u>202.019.139.008</u>	<u>969.027.258.317</u>	<u>4.426.451.269.390</u>

(*) Căn cứ theo Quyết định số 622/QĐ-KTNN ngày 8 tháng 4 năm 2014 của Cơ quan Kiểm toán Nhà nước, Ban Tổng Giám đốc đã điều chỉnh lại khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối vào ngày 31 tháng 12 năm 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đã được duyệt	318.000.000	3.180.000.000.000	318.000.000	3.180.000.000.000
Cổ phiếu đã phát hành				
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>				
Cổ phiếu phổ thông	318.000.000	3.180.000.000.000	318.000.000	3.180.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	48.000	480.000.000	48.000	480.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	317.952.000	3.179.520.000.000	317.952.000	3.179.520.000.000

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	8.001.188.091.758	7.043.112.350.206
<i>Trong đó:</i>		
<i>Xi măng, clinker</i>	7.815.578.275.683	6.894.310.687.448
<i>Vữa xi măng xây dựng, gạch các loại, cát, vật liệu phụ và các dịch vụ</i>	185.609.816.075	148.801.662.758
Các khoản giảm trừ doanh thu	(392.738.197.205)	(285.025.142.717)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	<u>(392.738.197.205)</u>	<u>(285.025.142.717)</u>
Doanh thu thuần	<u>7.608.449.894.553</u>	<u>6.758.087.207.489</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Xi măng, clinker</i>	7.422.877.133.478	6.609.336.268.731
<i>Vữa xi măng xây dựng, gạch các loại, cát, vật liệu phụ và các dịch vụ</i>	185.572.761.075	148.750.938.758
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên khác</i>	7.439.461.951.659	6.672.548.672.102
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i>	168.987.942.894	85.538.535.387

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU (tiếp theo)

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	63.584.295.198	263.802.823.961
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.233.341.547	2.873.701.453
Thu nhập từ cổ tức	1.981.653.000	1.308.657.200
Khác	31.172.705.619	23.621.318.892
TỔNG CỘNG	<u>98.971.995.364</u>	<u>291.606.501.506</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của xi măng, clinker	5.751.469.317.851	5.226.325.733.983
Giá vốn của vữa xi măng xây dựng, gạch các loại, cát, vật liệu phụ và các dịch vụ	182.935.344.050	198.062.027.946
TỔNG CỘNG	<u>5.934.404.661.901</u>	<u>5.424.387.761.929</u>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	85.717.896.929	321.102.905.652
Chi phí nhân viên	36.160.502.716	29.988.480.783
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	26.102.900.378	25.554.049.003
Chương trình khuyến mãi và khách hàng truyền thống	-	231.927.038.890
Các chi phí khác	23.454.493.835	33.633.336.976
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	282.054.859.279	164.217.124.827
Phân bổ lợi thế kinh doanh và giá trị thương hiệu	107.834.853.996	53.917.427.004
Chi phí nhân viên	53.904.070.428	42.176.331.393
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	41.535.206.515	26.956.440.095
Các chi phí khác	78.780.728.340	41.166.926.335
TỔNG CỘNG	<u>367.772.756.208</u>	<u>485.320.030.479</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí lãi vay	416.658.026.801	522.707.830.704
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn	23.959.984.700	(1.406.004.400)
Chiết khấu thanh toán	17.855.043.931	13.173.246.960
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.268.352.699	211.220.368.561
TỔNG CỘNG	463.741.408.131	745.695.441.825

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	VND Năm trước
Thu nhập khác	10.274.968.927	9.653.054.844
Lãi phát sinh từ đánh giá lại tài sản đem đầu tư	9.068.834.221	-
Thu từ thanh lý tài sản	679.268.109	12.090.909
Khác	526.866.597	9.640.963.935
Chi phí khác	(1.648.201.135)	(8.247.694.929)
Khấu hao của tài sản ngừng sử dụng	(457.428.579)	(2.455.864.281)
Chi phí khác	(1.190.772.556)	(5.791.830.648)
GIÁ TRỊ THUẦN	8.626.767.792	1.405.359.915

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.036.745.450.923	3.869.177.962.839
Chi phí nhân công	591.451.714.381	495.660.744.915
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	618.386.231.931	636.655.557.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	901.924.647.960	975.009.010.310
TỔNG CỘNG	6.148.508.045.195	5.976.503.275.106

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong năm hiện hành là 22% thu nhập chịu thuế.
Thuế suất thuế TNDN năm 2016 là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	218.893.558.258	90.766.718.283
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	1.440.355.031	-
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	(8.898.572.672)	-
TỔNG CỘNG	<u>211.435.340.617</u>	<u>90.766.718.283</u>

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Năm nay	VND Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	950.129.831.469	395.695.834.677
<i>Các điều chỉnh:</i>		
Chi phí phải trả	44.502.036.942	-
Thu nhập cổ tức	(1.981.653.000)	(1.308.657.200)
Phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái theo cơ sở tính thuế đã trừ trong các năm trước	-	48.389.554.036
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện đã tính thuế trong các năm trước	-	(35.350.970.998)
Khác	2.320.503.943	5.150.231.680
Thu nhập chịu thuế ước tính	994.970.719.354	412.575.992.195
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	218.893.558.258	90.766.718.283
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	1.440.355.031	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	220.333.913.289	90.766.718.283
Thuế TNDN phải trả (trả thừa) đầu năm	69.490.005.375	(3.315.267.045)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(221.715.121.990)	(17.961.445.863)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>68.108.796.674</u>	<u>69.490.005.375</u>
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải nộp (Thuyết minh số 15)	68.108.796.674	71.103.650.583
Thuế TNDN trả thừa	-	(1.613.645.208)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí phải trả	8.900.407.388	-	8.900.407.388	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(1.834.716)	-	(1.834.716)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	8.898.572.672	-		
<i>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại</i>			8.898.572.672	-

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng.

Các bên liên quan của Công ty phần lớn là các đơn vị thành viên trong cùng Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm được trình bày như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Chi phí tư vấn	55.845.016.030	39.677.182.238
		Bán xi măng	8.702.519.530	14.439.005.687
		Chi phí lãi vay	1.246.880.711	1.246.880.713
		Dịch vụ khác	483.974.762	1.151.658.590
		Bán clinker	-	229.046.996.076
		Hệ thống lò nung	-	6.476.903.082
		Chi phí hỗ trợ	1.800.000.000	5.500.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung	Bên liên quan	Phí gia công xi măng	2.684.649.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Bên liên quan	Bán cát	156.450.000	152.633.182
Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam	Bên liên quan	Bán cát và clinker	154.650.708.764	61.270.228.848
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Bên liên quan	Chi phí vận chuyển	164.599.905.443	169.671.115.343
		Cung cấp dịch vụ	289.278.720	250.354.531
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng	Bên liên quan	Mua thạch cao	8.271.638.952	3.791.201.400
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Bên liên quan	Mua clinker	5.918.752.842	17.943.283.456
		Bán cát, clinker và gia công xi măng	954.179.639	7.095.775.195
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	Bên liên quan	Mua vỏ bao	7.826.380.879	23.648.844.107
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Bên liên quan	Chi phí lãi vay	5.762.677.259	7.098.706.378
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Bên liên quan	Bán cát	175.595.455	1.806.483.808

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm được trình bày như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i> <i>Năm trước</i>
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Bên liên quan	Phí tư vấn	3.167.161.805	2.489.596.510
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Bên liên quan	Bán cát Phí gia công	18.818.182 1.873.090.910	18.545.455 -
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Bên liên quan	Chi phí quảng cáo Bán cát Mua clinker	500.000.000 138.634.365 -	- 136.613.454 15.360.287.087
Viện Công nghệ Xi măng Vicem	Bên liên quan	Phí đào tạo	451.340.000	494.496.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Bên liên quan	Bán cát	175.200.000	216.409.091
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	Bên liên quan	Bán cát	154.513.000	152.486.136
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn	Bên liên quan	Bán xi măng	5.118.035.183	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Bên liên quan	Chi phí vận chuyển	8.736.997.074	-
Trường Trung cấp Nghề Kỹ Thuật Xi măng	Bên liên quan	Phí đào tạo	344.020.000	114.320.000
Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ Vicem Hoàng Thạch	Bên liên quan	Mua clinker	126.332.954.490	-
Công ty Cổ phần Vicem VLXD Đà Nẵng	Bên liên quan	Chi phí dự án Mua vỏ bao	30.780.990.714 -	- 23.606.076.060
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Bên liên quan	Mua vỏ bao	-	27.853.935.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty TNHH Xi măng Holcim Việt Nam	Bên liên quan	Bán clinker và cát	34.938.447.027	9.314.351.475
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Bên liên quan	Bán cát	172.095.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Bên liên quan	Bán cát	50.832.600	-
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Bên liên quan	Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.381.552	17.177.832
			<u>35.191.756.179</u>	<u>9.331.529.307</u>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Bên liên quan	Phí tư vấn	<u>815.275.000</u>	<u>1.560.687.700</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Bên liên quan	Chi phí vận chuyển	(118.470.471.001)	(148.456.730.854)
Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ Vicem Hoàng Thạch	Bên liên quan	Mua clinker	(86.435.050.460)	-
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Phí tư vấn	(36.040.586.166)	(43.644.900.462)
		Mua clinker	-	(67.959.596.506)
		Phí giám định	-	(1.979.002.000)
		Dịch vụ khác	(420.538.400)	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng	Bên liên quan	Chi phí vận chuyển	(2.197.301.670)	-
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Bên liên quan	Mua clinker	(2.060.400.000)	-
Công ty Cổ phần Bao bì Hà Tiên	Bên liên quan	Mua vỏ bao	(1.689.179.360)	(6.942.301.092)
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Bên liên quan	Phí tư vấn	(1.083.873.950)	(1.368.293.741)
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Bên liên quan	Mua clinker	-	(1.242.000.000)
Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng	Bên liên quan	Mua vỏ bao	-	(2.870.437.636)
Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hải Phòng	Bên liên quan	Chi phí quảng cáo	-	(13.200.000.000)
Công ty Cổ phần Vicem VLXD Đà Nẵng	Bên liên quan	Mua vỏ bao	-	(604.593.450)
Trường Trung cấp Nghề Kỹ Thuật Xi măng	Bên liên quan	Phí đào tạo	-	(56.320.000)
			(248.397.401.007)	(288.324.175.741)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	Bên liên quan	Ứng trước tiền gia công xi măng	(6.317.113.019)	(7.366.710.623)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>VND</i>				
Chi phí phải trả ngắn hạn				
Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng	Bên liên quan	Chi phí lãi vay	(1.016.757.533)	(1.139.436.390)
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	<u>(628.564.524)</u>	<u>(82.602.810.802)</u>
			<u>1.645.322.057</u>	<u>(83.742.247.192)</u>
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	Bên liên quan	Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Chi phí hỗ trợ huyện nghèo	<u>-</u>	<u>(9.000.000.000)</u>
			<u>(50.000.000.000)</u>	<u>(59.000.000.000)</u>
Vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Tài chính Xi măng	Bên liên quan	Vay dài hạn	(59.088.008.865)	(63.088.008.865)
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ	Vay dài hạn	<u>(17.568.573.607)</u>	<u>(17.568.573.607)</u>
			<u>(76.656.582.472)</u>	<u>(80.656.582.472)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	4.463.877.294	3.630.464.802
Thù lao	471.000.000	465.000.000
TỔNG CỘNG	4.934.877.294	4.095.464.802

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (được trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế (VND)	738.694.490.852	304.929.116.394
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(26.234.576.480)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	738.694.490.852	278.694.539.914
Số lượng cổ phiếu bình quân (cổ phiếu)	317.952.000	317.952.000
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
- Lãi cơ bản	2.323	877
- Lãi suy giảm	2.323	877

Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập với tỷ lệ 20% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 23 tháng 4 năm 2015.

31. CAM KẾT CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê đất và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động này được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	17.813.585.588	31.083.167.596
Trên 1 - 5 năm	36.959.700.909	24.896.717.924
Trên 5 năm	293.262.467.347	214.566.225.900
TỔNG CỘNG	348.035.753.844	270.546.111.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. TÀI KHOẢN NGOẠI BẢNG

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (VND)	-	95.889.896
2. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.395.687.412	1.395.687.412
3. Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	188.718	147.701
- Euro (EUR)	95	129

33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, ví dụ như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ tài chính trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn và các khoản nợ phải trả theo lãi suất thị trường của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, bao gồm thị trường tiền tệ và kinh tế trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn và các khoản nợ phải trả theo lãi suất thị trường đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

		VND
	<i>Tăng/ giảm điểm cơ bản</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Năm nay		
Đô la Mỹ	+5	(3.260.348.611)
Euro	+1	(1.593.652.909)
VND	+3	(10.808.994.884)
Đô la Mỹ	-5	3.260.348.611
Euro	-1	1.593.652.909
VND	-3	10.808.994.884
Năm trước		
Đô la Mỹ	+5	(378.450.585)
Euro	+1	(202.747.094)
VND	+3	(1.296.602.332)
Đô la Mỹ	-5	378.450.585
Euro	-1	202.747.094
VND	-3	1.296.602.332

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động tài chính của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá đô la Mỹ và Euro. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể:

	<i>Thay đổi tỷ giá đô la Mỹ</i>	<i>Thay đổi tỷ giá Euro</i>	VND
			<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</i>
Năm nay			
	4,2%	7,7%	(147.427.072.476)
	-4,2%	-7,7%	147.427.072.476
Năm trước			
	4,2%	7,7%	(187.911.645.221)
	-4,2%	-7,7%	187.911.645.221

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 38.100.937.000 VND (31 tháng 12 năm 2014: 62.041.229.700 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 3.810.093.700 VND (31 tháng 12 năm 2014: 6.204.122.970 VND), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 3.810.093.700 VND (31 tháng 12 năm 2014: 6.204.122.970 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được dựa trên các đánh giá và nhận xét tín dụng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo tài chính. Công ty tìm cách duy trì và kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày ở Thuyết minh số 4. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã chiết khấu:

	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
Số cuối năm				
Vay	1.541.823.432.543	3.527.517.287.429	889.506.525.349	5.958.847.245.321
Phải trả người bán	911.117.587.428	-	-	911.117.587.428
Phải trả khác và chi phí phải trả	145.097.576.474	-	-	145.097.576.474
	<u>2.598.038.596.445</u>	<u>3.527.517.287.429</u>	<u>889.506.525.349</u>	<u>7.015.062.409.223</u>
Số đầu năm				
Vay	2.110.415.323.465	3.354.898.316.031	1.742.236.439.646	7.207.550.079.142
Phải trả người bán	1.020.201.834.642	-	-	1.020.201.834.642
Phải trả khác và chi phí phải trả	297.644.153.921	-	-	297.644.153.921
	<u>3.428.261.312.028</u>	<u>3.354.898.316.031</u>	<u>1.742.236.439.646</u>	<u>8.525.396.067.705</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Một số tài sản cố định của Công ty đã được thế chấp cho các khoản vay dài hạn (*Thuyết minh số 19*).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây thể hiện giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>		VND
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Nguyên giá</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Nguyên giá</i>	<i>Dự phòng</i>			
Tài sản tài chính							
Các khoản đầu tư vào chứng khoán	66.776.291.414	(28.675.354.414)	66.756.599.414	(4.715.369.714)	38.100.937.000	62.041.229.700	
<i>Đầu tư cổ phiếu niêm yết ngắn hạn</i>	10.776.291.414	(3.587.354.414)	10.756.599.414	(4.715.369.714)	7.188.937.000	6.041.229.700	
<i>Đầu tư cổ phiếu niêm yết dài hạn</i>	56.000.000.000	(25.088.000.000)	56.000.000.000	-	30.912.000.000	56.000.000.000	
Tiền gửi ngắn hạn	-	-	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000	
Phải thu khách hàng	288.475.439.247	(2.761.659.300)	416.373.130.811	(2.761.659.300)	285.713.779.947	413.611.471.511	
Phải thu các bên liên quan	35.191.756.179	-	9.331.529.307	-	35.191.756.179	9.331.529.307	
Phải thu khác	7.997.225.133	-	16.794.935.506	-	7.997.225.133	16.794.935.506	
Tiền	345.519.758.971	-	219.000.746.505	-	345.519.758.971	219.000.746.505	
TỔNG CỘNG	743.960.470.944	(31.437.013.714)	758.256.941.543	(7.477.029.014)	712.523.457.230	750.779.912.529	
							VND
	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>				
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>			
Nợ phải trả tài chính							
Vay ngân hàng	5.882.190.662.849	7.126.893.496.670	5.882.190.662.849	7.126.893.496.670			
Phải trả người bán	662.720.186.421	731.877.658.901	662.720.186.421	731.877.658.901			
Phải trả cho các bên liên quan	381.371.096.498	519.089.716.027	381.371.096.498	519.089.716.027			
Phải trả khác và chi phí phải trả	88.780.463.455	147.535.196.107	88.780.463.455	147.535.196.107			
TỔNG CỘNG	7.015.062.409.223	8.525.396.067.705	7.015.062.409.223	8.525.396.067.705			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác gần bằng với giá trị sổ sách của các khoản mục này dựa vào lãi suất thị trường mà các khoản nợ phải trả tài chính này đang gánh chịu.
- ▶ Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố (nếu có) trên các thị trường có giao dịch.

35. PHÂN LOẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính của năm nay. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Số đầu năm (được trình bày lại)	VND
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Đầu tư ngắn hạn	40.756.599.414	(40.756.599.414)	-	
Đầu tư chứng khoán kinh doanh	-	10.756.599.414	10.756.599.414	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	30.000.000.000	30.000.000.000	
Phải thu ngắn hạn khác	33.640.289.200	879.992.999	34.520.282.199	
Hàng tồn kho	983.869.400.448	(177.787.560.306)	806.081.840.142	
Tài sản ngắn hạn khác	879.992.999	(879.992.999)	-	
Tài sản dài hạn khác	9.593.600.647	(9.593.600.647)	-	
Phải thu dài hạn khác	-	9.593.600.647	9.593.600.647	
Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	177.787.560.306	177.787.560.306	
Chi phí phải trả ngắn hạn	394.975.021.501	(56.500.013.150)	338.475.008.351	
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	51.487.998.567	51.487.998.567	
Dự phòng phải trả dài hạn	-	5.012.014.583	5.012.014.583	
Quỹ đầu tư phát triển	105.804.960.608	37.186.381.320	142.991.341.928	
Quỹ dự phòng tài chính	37.186.381.320	(37.186.381.320)	-	

36. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.




Nguyễn Thị Loan
Người lập



Lê Thị Phương Dung
TP Tài chính Kế toán




Nguyễn Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 3 năm 2016